

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HỌC MÔN
TRƯỜNG TIỂU HỌC BÙI VĂN NGŨ

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

Thứ tự	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Thị Hồng Phượng	Hiệu trưởng Bí thư Chi bộ	Chủ tịch hội đồng	
2	Nguyễn Thị Dung	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
3	Trịnh Huỳnh Tài	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
4	Lê Hải Yến	Giáo viên khối 5	Thư ký hội đồng	
5	Nguyễn Phạm Quốc Hùng	Chủ tịch công đoàn	Ủy viên hội đồng	
6	Trần Vũ Qui	Bí thư chi đoàn Tổ trưởng Bộ môn	Ủy viên hội đồng	
7	Lý Thị Ngọc Giàu	Tổ trưởng chuyên môn khối 1	Ủy viên hội đồng	
8	Nguyễn Thị Kim Thảo	Tổ trưởng chuyên môn khối 2	Ủy viên hội đồng	
9	Hoàng Thị Hường	Tổ trưởng chuyên môn khối 3	Ủy viên hội đồng	
10	Bùi Thị Thanh Nhã	Tổ trưởng chuyên môn khối 4	Ủy viên hội đồng	
11	Chu Thị Thu Hằng	Tổ trưởng chuyên môn khối 5	Ủy viên hội đồng	
12	Lâm Xuân Uyên	Tổ trưởng chuyên môn tổ tiếng Anh	Ủy viên hội đồng	
13	Huỳnh Kim Loan	Tổ trưởng tổ văn phòng	Ủy viên hội đồng	
14	Lê Minh Thời	Tổng phụ trách Đội	Ủy viên hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Tổng hợp kết quả tự đánh giá	3
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	10
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	10
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	14
Mở đầu	14
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	15
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác	17
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	19
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn và tổ văn phòng	21
Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học	24
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	26
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	28
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	30
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	32
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh, trật tự trường học	33
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	36
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh	36
Mở đầu	36
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	37
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	39
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	42
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	43
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	45
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	46
Mở đầu	46
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, bãi tập	46

Tiêu chí 3.2: Phòng học	48
Tiêu chí 3.3: Khối phòng học phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị	50
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	52
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	54
Tiêu chí 3.6: Thư viện	55
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	57
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	58
Mở đầu	58
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	59
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	61
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	63
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	63
Mở đầu	64
Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường	64
Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	66
Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác	68
Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục	70
Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục	72
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	73
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	75
Phần IV. PHỤ LỤC	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X		
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X		
Tiêu chí 2.3		X	X	
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	
Tiêu chí 3.2		X		
Tiêu chí 3.3		X	X	
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	
Tiêu chí 5.5		X	X	X

Kết quả: đạt Mức 1.

2. Kết luận: Trường đạt Mức 1.

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: **Trường Tiểu học Bùi Văn Ngừ**

Tên trước đây: Không có

Cơ quan chủ quản: Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn

Thành phố	Hồ Chí Minh	Họ và tên hiệu trưởng	Nguyễn Thị Hồng Phụng
Huyện	Hóc Môn	Điện thoại	028.37126585
Xã	Bà Điểm	Fax	Không
Đạt chuẩn quốc gia	X	Website	http://thbuivanngu.hcm.edu.vn
Năm thành lập	1994	Số điểm trường	01
Công lập	X	Loại hình khác	Không
Tư thục	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Trường chuyên biệt	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số lớp học

Số lớp	Năm học 2019-2020	Năm học 2022-2023	Năm học 2021-2023	Năm học 2023-2023	Năm học 2023-2024
Khối lớp 1	12	14	12	10	14
Khối lớp 2	17	12	12	12	10
Khối lớp 3	08	17	11	12	12
Khối lớp 4	06	08	16	11	12
Khối lớp 5	10	06	8	16	11
Cộng	53	57	59	61	59

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2022-2023	Năm học 2021-2023	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	73	73	73	73	73	
1	Phòng học	57	57	59	61	59	
a	Phòng kiên cố	57	57	59	61	59	
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
c	Phòng tạm						
2	Phòng học bộ môn	12	12	10	8	10	
a	Phòng kiên cố	12	12	10	8	10	
b	Phòng bán kiên cố						
c	Phòng tạm						
3	Khối phục vụ học tập	04	04	04	04	04	
a	Phòng kiên cố	04	04	04	04	04	
b	Phòng bán kiên cố						
c	Phòng tạm						
II	Khối phòng hành chính - quản trị	06	06	06	06	06	
1	Phòng kiên cố	06	06	06	06	06	
2	Phòng bán kiên cố						
3	Phòng tạm						
III	Thư viện	01	01	01	01	01	

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2022-2023	Năm học 2021-2023	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác	07	07	07	07	07	
	Cộng	87	87	87	87	87	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 5 năm 2024

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	00	00	00	01	
Phó hiệu trưởng	02	02	00	00	01	01	
Giáo viên	86	76	01	02	84	00	
Nhân viên	4	4	01	00	04	00	
Cộng	93	83	05	02	89	02	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2022-2023	Năm học 2021-2023	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1	Tổng số giáo viên	74	78	78	86	86
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1,40	1,37	1,37	1,41	1,45
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0,027	0,028	0,028	0,028	0,030
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện và tương đương	06	00	00	11	8
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên	00	00	03	00	00
6	Các số liệu khác	00	00	00	00	00

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1	Tổng số học sinh	2720	2782	2990	3054	2844
	- Nữ	1287	1324	1357	1456	1368
	- Dân tộc	54	54	62	61	62
	- Khối lớp 1	595	627	572	509	601
	- Khối lớp 2	869	584	590	577	509
	- Khối lớp 3	437	851	568	587	578
	- Khối lớp 4	292	437	815	568	594
	- Khối lớp 5	527	283	445	813	562
2	Tổng số tuyển mới	594	664	572	509	601
3	Học buổi/ngày ²	2720	2782	2990	3054	2844
4	Bán trú	2618	2707	2820	2925	2750
5	Nội trú	00	00	00	00	00
6	Bình quân số học sinh/lớp học	51,32	48,81	50,67	50,06	48,20
7	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	2674/2720 98,83%	2741/2782 98,53%	2941/2990 98,36%	2999/3054 98,20%	2781/2844 97,78
	- Nữ	1275/1287	1324/2782	1434/2990	1457/3054	1367/2844
	- Dân tộc	54	54	62	61	62
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh	00	00	00	09	04
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia	00	00	03	04	02

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	08	03	00	01	19
	- Nữ	00	00	00	00	06
	- Dân tộc	00	00	00	00	01
11	Tổng số học sinh có hoàn cảnh đặc biệt	00	00	00	00	00
12	Khuyết tật	16	17	18	18	13
13	Lưu ban	03	01	07	02	

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục (đối với tiểu học)

Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Ghi chú
Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	100%	100%	100%	100%	100%	
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	99,96%	99,57%	99,76%	99,93%		
Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	99,62%	96,11%	99,62%	98,65%		
Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100%	100%	100%	100%		

5. Các số liệu khác (nếu có): Không có

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Tiểu học Bùi Văn Ngừ là cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 1/21, đường Bà Điểm 4, ấp Tiền Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường được thành lập theo Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 1994 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn. Trường được tách ra từ Trường Phổ thông cơ sở Phan Công Hớn từ năm học 1993-1994 nhưng vẫn sử dụng chung cơ sở vật chất của Trường Trung học cơ sở Phan Công Hớn. Đến đầu năm 2004, Trường Tiểu học Bùi Văn Ngừ dời về cơ sở mới trên diện tích khuôn viên trường 21777 m², được chia thành 04 khu vực: A, B, C, D gồm 30 phòng học, 14 phòng chức năng. Ngoài ra còn có khu vực nhà bếp, khu vệ sinh riêng cho giáo viên và học sinh do Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh hỗ trợ kinh phí xây dựng theo chương trình “Xây dựng 1000 phòng học”.

Trường được Ủy ban nhân dân Thành phố công nhận Trường đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 1996-2000 theo Quyết định số 2858/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2006 và Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục Cấp độ 1 theo Quyết định số 560/QĐ-GDĐT-KTKĐCLGD ngày 15 tháng 4 năm 2015.

Sau 30 năm hoạt động giảng dạy và giáo dục nhà trường đã có những bước phát triển đáng ghi nhận. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên vững chuyên môn nghiệp vụ, nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy. Mỗi cá nhân xác định được trách nhiệm, khắc phục khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ, tập thể đoàn kết nội bộ, thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường.

Với nhu cầu phát triển ngày càng cao của xã hội, trong 18 năm gần đây, trường mở loại hình lớp học 2 buổi/ngày đến nay (từ năm học 2013-2014) trường đạt 100% học sinh học 2 buổi/ngày. Nhà trường đưa chương trình giảng dạy tiếng

Anh tăng cường vào giảng dạy đã được 12 năm. Nhà trường thực hiện đổi mới quản lý, đổi mới phương pháp giảng dạy, lấy học sinh làm trung tâm, ứng dụng công nghệ thông tin vào bài giảng, giáo viên tích cực tham gia giảng dạy giáo án điện tử.

Trường được khởi công xây dựng thêm khu mới vào tháng 6 năm 2017 và đưa vào sử dụng từ tháng 8 năm 2018. Khu xây mới có 22 phòng học, 01 phòng thiết bị giáo dục, 01 phòng nhạc, 01 phòng nghệ thuật, 03 phòng nghỉ giáo viên, 03 phòng vi tính, 03 phòng học lab.

Năm học 2023-2024, trường có 59 lớp với tổng số học sinh 2844. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên là 93 người. Công tác phát triển đội ngũ được nhà trường đặc biệt quan tâm: 97,67% giáo viên có trình độ đạt chuẩn; 2,32% giáo viên có trình độ trên chuẩn. Chi bộ được thành lập năm 2006, hiện có 33 đảng viên. Liên tục nhiều năm liền Chi bộ luôn đạt chi bộ trong sạch vững mạnh.

Từ năm học 1993-1994 đến năm học 2021-2022, trường liên tục được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tặng thưởng danh hiệu tập thể Lao động Xuất sắc. Năm 2011 trường nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Năm học 2016-2017, 2019-2020 trường nhận được Cờ thi đua của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Mục tiêu của nhà trường là hoàn thành nhiệm vụ năm học, góp phần cùng địa phương thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục.

Sứ mạng của nhà trường là thực hiện mục tiêu giáo dục tiểu học, tạo uy tín với Nhân dân xã Bà Điểm về chất lượng giáo dục.

2. Mục đích tự đánh giá

Trường Tiểu học Bùi Văn Ngũ tự đánh giá kiểm định chất lượng nhằm giúp nhà trường xác định điểm mạnh, điểm yếu, mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn. Qua đó, nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục nhằm thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá và công nhận nhà trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Trong quá trình tự đánh giá, Hội đồng Tự đánh giá của trường đã triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục đến toàn thể các thành viên trong Hội đồng Giáo dục nhà trường; yêu cầu các bộ phận, đoàn thể, cá nhân phối hợp cùng thực hiện.

Các văn bản hướng dẫn công tác kiểm định chất lượng gồm:

- Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học;

- Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông;

- Quyết định số 116/QĐ-BVN ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Trường Tiểu học Bùi Văn Ngừ về việc thành lập Hội đồng Tự đánh giá của trường gồm 15 thành viên.

Hội đồng Tự đánh giá nhà trường đã xây dựng và thực hiện kế hoạch tự đánh giá, đảm bảo đúng tiến độ trong 16 tuần như sau:

Tuần 1 (08/01/2024 - 12/01/2024):

- Trường họp Hội đồng tư vấn để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng Tự đánh giá.

- Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá.

- Họp Hội đồng Tự đánh giá để:

- + Công bố quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá;

- + Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm công tác và cá nhân;

- + Dự thảo và ban hành kế hoạch tự đánh giá.

- Phổ biến kế hoạch tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường và các bên có liên quan.

Tuần 2 (15/01/2024 - 19/01/2024):

- Tổ chức hội nghị về nghiệp vụ tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường và các bên có liên quan.

- Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá.

- Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện phân tích tiêu chí, tìm minh chứng cho từng tiêu chí.

Tuần 3, 4, 5 (22/01/2024 - 09/02/2024):

- Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện phân tích tiêu chí, tìm minh chứng cho từng tiêu chí.

- Phân loại và mã hoá các minh chứng thu được.

- Lập bảng Danh mục mã minh chứng.

- Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các Phiếu đánh giá tiêu chí và Phiếu đánh giá tiêu chí Mức 4 (4 bước).

Tuần 6, 7 (12/02/2024 - 23/02/2024):

- Các nhóm chuyên trách, cá nhân tiếp tục viết các Phiếu đánh giá tiêu chí và Phiếu đánh giá tiêu chí Mức 4.

Tuần 8, 9 (26/02/2024 - 08/3/2024):

- Hội đồng Tự đánh giá đề:

- + Thảo luận về những vấn đề phát sinh từ các minh chứng thu được, những minh chứng cần thu thập bổ sung và các vấn đề liên quan đến hoạt động tự đánh giá;

- + Các nhóm chuyên trách, cá nhân báo cáo nội dung của từng Phiếu đánh giá tiêu chí và Phiếu đánh giá tiêu chí Mức 4 với Hội đồng Tự đánh giá;

- + Chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của Phiếu đánh giá tiêu chí và Phiếu đánh giá tiêu chí Mức 4, chú trọng đến kế hoạch cải tiến chất lượng;

- + Thu thập, xử lý minh chứng bổ sung;

- Dự thảo báo cáo tự đánh giá.

Tuần 10 (11/3/2024 - 15/3/2024):

- Hội đồng Tự đánh giá đề:

- + Kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá và các nội dung có liên quan;

+ Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung dự thảo báo cáo tự đánh giá.

Tuần 11, 12 (18/3/2024 - 29/03/2024):

- Thông qua báo cáo tự đánh giá đã chỉnh sửa, bổ sung;
- Công bố dự thảo báo cáo tự đánh giá trong nội bộ trường;
- Thu thập các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo tự đánh giá;
- Bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến đóng góp;
- Đề xuất những kế hoạch cải tiến chất lượng.

Tuần 13, 14 (01/04/2024 - 12/04/2024):

- Các thành viên của Hội đồng Tự đánh giá kí tên vào danh sách trong báo cáo tự đánh giá; Hiệu trưởng kí tên, đóng dấu và ban hành;
- Gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan quản lý trực tiếp;
- Công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trong nội bộ trường;
- Tổ chức bảo quản báo cáo tự đánh giá, các minh chứng theo quy định.

Tuần 15, 16 (15/4/2024 - 27/4/2027):

- Tổ chức thực hiện các kế hoạch cải tiến chất lượng theo từng giai đoạn.
- Cập nhật lại báo cáo tự đánh giá trước khi thực hiện việc đăng kí đánh giá ngoài với Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Cơ cấu tổ chức và quản lý của trường đúng theo quy định của Điều lệ Trường tiểu học. Trường thành lập đầy đủ các hội đồng: Hội đồng trường, Hội đồng tư vấn, Hội đồng thi đua khen thưởng. Các hội đồng có đủ cơ cấu, thực hiện đúng chức năng và quyền hạn theo quy định. Các tổ chức đoàn thể trong trường gồm Chi bộ Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng. Các tổ chức này hoạt động hiệu quả, phát huy tốt vai trò và chức năng của mình trong các hoạt động.

Năm học 2023-2024, trường có 59 lớp với 2844 học sinh, tất cả 59 lớp được học 02 buổi/ngày. Mỗi lớp đều được bố trí giáo viên chủ nhiệm. Trường

có các giáo viên dạy bộ môn như thể dục, tiếng Anh tăng cường, Tin học. Sĩ số học sinh trung bình mỗi lớp là 48,20 học sinh/lớp. Mỗi lớp đều có ban cán sự lớp.

Tổ chuyên môn và tổ văn phòng hoạt động có nền nếp, đáp ứng tốt việc thực hiện các nhiệm vụ của tổ theo quy định.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường đã xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2026 có sự thảo luận đóng góp của tập thể giáo viên, nhân viên. Mục tiêu của trường hướng đến việc xây dựng chất lượng, uy tín trong giảng dạy, giáo dục và hội nhập; chú trọng phát triển đức, trí, thể, mỹ cho học sinh và giữ gìn bản

sắc văn hóa dân tộc. Chiến lược được xây dựng theo mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục và trên cơ sở nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01].

b) Chiến lược phát triển nhà trường đã được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Chiến lược phát triển nhà trường đã được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại phòng truyền thống và công khai khai rộng rãi trên trang thông tin điện tử nhà trường [H1-1.1-01].

Mức 2:

Hàng năm, cuối mỗi năm học, Hội đồng trường tổ chức họp để rà soát, đánh giá lại kết quả quá trình thực hiện kế hoạch, đồng thời bổ sung giải pháp, phương hướng và phân công cho các bộ phận chuyên môn, cá nhân giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường cho thời gian tiếp theo [H1-1.1-03].

Mức 3:

Định kỳ, có rà soát chiến lược phát triển nhà trường để bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế hàng năm. Việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhưng chưa có sự tham gia đóng góp ý kiến rộng rãi của cha mẹ học sinh và cộng đồng [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03].

2. Điểm mạnh

Chiến lược phát triển nhà trường đã đề ra các giải pháp phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tình hình cơ sở vật chất, tài chính của đơn vị và các nguồn lực của nhà trường, có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên. Trường đã có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường và thường xuyên thực hiện việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung các nội dung trong phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường cho phù hợp theo từng giai đoạn.

3. Điểm yếu

Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa có sự tham gia đóng góp ý kiến rộng rãi của cha mẹ học sinh và cộng đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 - 2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục phân công các đoàn thể, tổ chuyên môn định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung nội dung trong chiến lược phát triển cho phù hợp tình hình thực tế.

Năm 2024, nhà trường tiến hành tổng kết việc thực hiện chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2026 và tổ chức lấy ý kiến rộng rãi trong cha mẹ học sinh và cộng đồng để xây dựng chiến lược giai đoạn tiếp theo đạt hiệu quả cao.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026 được thành lập theo Quyết định số 77/QĐ-GDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn với 11 thành viên, số lượng và thành phần cơ cấu tổ chức của Hội đồng trường được đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 10, Điều lệ Trường tiểu học [H1-1.2-01].

- Hội đồng thi đua khen thưởng của trường được hiệu trưởng thành lập vào đầu mỗi năm học với thành phần quy định tại Điều 12 Điều lệ Trường tiểu học. Hội đồng thi đua khen thưởng hoạt động có hiệu quả, thúc đẩy được hoạt động

của nhà trường trong các phong trào chuyên môn như giáo viên giỏi, phong trào thi đua yêu nước,... và các hội thi của học sinh [H1-1.2-02].

- Hội đồng tư vấn do hiệu trưởng thành lập vào đầu năm học gồm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, chủ tịch công đoàn, bí thư chi đoàn, tổng phụ trách Đội và các tổ trưởng chuyên môn. Hội đồng tư vấn còn thành viên thụ động, chưa mạnh dạn trong việc đưa ra ý kiến đóng góp trong cuộc họp [H1-1.2-03].

b) Hội đồng trường thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều 10, Điều lệ Trường tiểu học. Các hoạt động, kế hoạch, chủ trương của trường đều được các thành viên trong hội đồng thảo luận và thông qua, thể hiện tốt vai trò chỉ đạo, kiểm tra, giám sát đối với tất cả hoạt động của trường. Các hội đồng khác thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định; tham mưu, đề xuất, giúp việc cho hiệu trưởng trong các công tác có liên quan theo quy định tại Điều 12, Điều lệ Trường tiểu học [H1-1.2-04].

c) Hoạt động của Hội đồng trường được thực hiện đảm bảo theo quy định tại Điều 10, Điều lệ Trường tiểu học. Định kỳ, hội đồng tổ chức họp để đánh giá kết quả lãnh đạo việc thực hiện nhiệm vụ của trường; đồng thời, triển khai chỉ đạo, lãnh đạo việc thực hiện các nhiệm vụ sắp tới. Đa số các thành viên đều tham gia đóng góp ý kiến giúp cho Hội đồng trường đưa ra được những quyết nghị chỉ đạo sát sao việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của nhà trường [H1-1.2-04].

Mức 2:

- Hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác của trường được bảo đảm, góp phần cùng đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, nâng cao chất lượng giáo dục chung [H1-1.1-02].

- Tất cả các hoạt động, nội dung có liên quan đến nhà trường đều được báo cáo với Hội đồng trường để các thành viên thảo luận và thông qua công khai, minh bạch [H1-1.2-04].

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập theo quy định. Trong những năm học qua, các hội đồng này hoạt động hiệu quả, thực hiện đúng các

chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; phát huy được sức mạnh tập thể trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

3. Điểm yếu

Vẫn còn vài thành viên Hội đồng tư vấn chưa mạnh dạn phát biểu ý kiến trong cuộc họp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, hiệu trưởng hướng dẫn các thành viên phát biểu, tạo không khí dân chủ, vui vẻ trong cuộc họp, khuyến khích các thành viên mạnh dạn phát biểu ý kiến.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- b) Hoạt động theo quy định;*
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

- a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.*

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Trường có đầy đủ các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-06].

b) Chi bộ trường thực hiện việc sinh hoạt định kỳ 01 lần/tháng theo Điều lệ Đảng [H1-1.3-07]. Chi bộ luôn thực hiện tốt nhiệm vụ trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền và các tổ chức đoàn thể thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao; đồng thời, thực hiện công tác chỉ đạo, định hướng các hoạt động của chính quyền và các tổ chức đoàn thể theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, của ngành và của địa phương [H1-1.3-07].

Các tổ chức đoàn thể thực hiện việc sinh hoạt, hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ; tham gia cùng chính quyền trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị tại nhà trường [1.1.4-14]. Các tổ chức đoàn thể tích cực tổ chức các hoạt động, phong trào nhằm thu hút đông đảo giáo viên, học sinh tham gia [1.1.4-14]. Tuy nhiên, vẫn còn một số hoạt động chưa được quan tâm đầu tư đúng mức nên dẫn đến kết quả thực hiện còn hạn chế.

c) Hằng năm, chi bộ trường có tiến hành đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị; đồng thời, triển khai các nội dung, nhiệm vụ trong năm tới trên cơ sở các hướng dẫn của tổ chức cấp trên và tình hình thực tế tại đơn vị. Công tác đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và triển khai các nội dung, nhiệm vụ mới của các tổ chức đoàn thể được thực hiện theo các quy định và hướng dẫn của tổ chức đoàn thể cấp trên [H1-1.3-08].

Mức 2:

a) Chi bộ Trường Tiểu học Bùi Văn Ngữ được thành lập từ năm 2004 [H1-1.3-01]. Số đảng viên đang sinh hoạt tại chi bộ là 34/92 đồng chí, chiếm tỷ lệ 36,95% trên tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên trong biên chế [H1-1.1-04].

Từ năm 2023, Chi bộ Trường Tiểu học Bùi Văn Ngữ luôn được Đảng ủy xã Bà Điểm huyện Hóc Môn đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-09].

b) Công đoàn cơ sở của trường có 89 công đoàn viên tham gia sinh hoạt. Ban Chấp hành Công đoàn nhiệm kỳ 2023-2028 gồm 05 đồng chí theo Quyết định của Liên đoàn lao động huyện Hóc Môn [H1-1.3-02].

Công đoàn cơ sở trường tổ chức nhiều hoạt động cho công đoàn viên và tham gia đầy đủ các hoạt động do Công đoàn cấp trên tổ chức như đóng góp các loại quỹ xã hội, tổ chức hoạt động ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, ... [H1-1.3-10].

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của trường có 29 đoàn viên tham gia sinh hoạt [H1-1.3-03]. Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh có 1734 đội viên [H1-1.3-04]; Sao Nhi đồng có 1110 em [H1-1.3-05].

Chi đoàn giáo viên và Liên đội trường cũng đã có nhiều hoạt động cho giáo viên, học sinh tham gia như: kế hoạch nhỏ, Nhà sử học nhỏ tuổi, ngày Hội nuôi heo đất, An toàn giao thông, bảo vệ môi trường... [H1-1.3-11].

Mức 3:

a) Trong những năm qua, Chi bộ không những đã hoàn thành tốt nhiệm vụ 2022[H1-1.3-09].

b) Công đoàn cơ sở, Chi đoàn và Liên đội đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường: Công đoàn cơ sở luôn đạt danh hiệu Công đoàn Vững mạnh, Chi đoàn Vững mạnh và Liên đội luôn đạt danh hiệu Xuất sắc, tuy nhiên tổ chức Đội đôi khi còn thiếu chủ động trong các hoạt động chung của nhà trường [H1-1.3-12].

2. Điểm mạnh

Các đoàn thể trong nhà trường đã tích cực góp ý xây dựng kế hoạch hoạt động, tổ chức thực hiện chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường; đóng góp hiệu quả trong việc phát động, tổ chức các phong trào thi đua; nâng cao chất lượng giáo dục tại đơn vị.

Chi bộ Đảng và các tổ chức đoàn thể khác có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định, đã phối hợp tốt cùng nhà trường thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao.

3. Điểm yếu

Đoàn viên chi đoàn giảng dạy theo chương trình Giáo dục Phổ thông 2018 là dạy học cả ngày, học sinh cần có giáo viên trực tiếp giảng dạy nên việc tham gia các hoạt động đoàn xã bị hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong nhiệm kỳ 2024 - 2025, Chi bộ nhà trường sẽ quan tâm, chỉ đạo cụ thể hơn các hoạt động của Đội, phân công phó bí thư chi bộ trực tiếp chỉ đạo, hỗ trợ các hoạt động Đội.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Trường tiểu học Bùi Văn Ngừ là trường hạng I, trường có 1 hiệu trưởng, 2 phó hiệu trưởng đủ số lượng theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 của Điều lệ trường tiểu học [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02] .

- b) Nhà trường đảm bảo cơ cấu tổ chức theo quy định tại Khoản 1, Điều 18 của Điều lệ trường tiểu học. Trường có các tổ chuyên môn từ khối lớp 1 đến khối

lớp 5, tổ bộ môn và tổ văn phòng với cơ cấu theo quy định. Mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó theo thực tế [H1-1.4-03].

c) Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ xây dựng kế hoạch hoạt động năm, tháng, tuần [H1-1.4-04]. Chỉ đạo các tổ chuyên môn thực hiện tốt chương trình, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục; thực hiện tốt công tác bồi dưỡng chuyên môn, đánh giá chất lượng giảng dạy của giáo viên; tham gia đánh giá xếp loại giáo viên có chất lượng; tổ chức sinh hoạt định kỳ 2 tuần một lần, các thành viên trong tổ có sổ ghi chép nội dung các cuộc họp tổ chuyên môn và thể hiện ý kiến đóng góp giải quyết tình huống trong công việc có đủ biên bản các kỳ họp [H1-1.4-05]. Tổ chuyên môn thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 2, Điều 18 của Điều lệ trường tiểu học; kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả giảng dạy, giáo dục và quản lý sử dụng sách, thiết bị dạy học của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05]; [H1-1.4-08]; tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học [H1-1.4-07]. Tổ văn phòng giúp hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ quản lý hành chính, tài chính, tài sản trong nhà trường và hạch toán tài chính, thống kê theo quy định [H1-1.4-04]; các thành viên trong tổ văn phòng thực hiện tốt công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, thường xuyên kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc từng bộ phận theo kế hoạch của trường; tham gia đánh giá, xếp loại viên chức [H1-1.4-10].

Mức 2:

a) Đầu mỗi năm học, hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn dựa vào thực tế, kết quả dạy học của tổ để đăng ký chuyên đề chuyên môn, mỗi tổ đăng ký ít nhất 2 chuyên đề chuyên môn và vận dụng các chuyên đề đã được Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo tập huấn nhằm nâng cao chất lượng dạy học [H1-1.4-09].

b) Hằng tháng, trường tổ chức kiểm tra việc xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch của các tổ; chỉ đạo các tổ rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch, phương hướng, giải pháp tổ chức các hoạt động [H1-1.4-04]; [H1-1.4-07].

Mức 3:

a) Các tổ chuyên môn không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động nhằm đẩy mạnh hoạt động giáo dục chung trong nhà trường như: đầu tư chất lượng các buổi sinh hoạt tổ, sinh hoạt chào cờ đầu tuần, hỗ trợ tích cực cho các hoạt động ngoại khóa, tổ chức thực hiện các chuyên đề cấp trường, cấp huyện và có nhiều giải pháp sáng kiến nhằm nâng cao chất lượng giáo dục tại đơn vị. Chất lượng nhà trường có chuyển biến rõ nét, tỷ lệ học sinh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ học tập tăng dần qua các năm; đã có học sinh đạt giải cao khi tham gia các hội thi cấp huyện, thành phố, Quốc gia [H1-1.4-19]; [H1-1.4-11]. [H1-1.7-07].

b) Các hoạt động chuyên đề của tổ chuyên môn được tổ chức trong học kì 1 và học kì 2. Mỗi năm, các tổ chuyên môn đã thực hiện trung bình 5 tiết thao giảng, 5 chuyên đề/năm học về đổi mới phương pháp giảng dạy và vận dụng các kỹ giảng dạy theo hướng hiện đại giúp giáo viên nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ [H1-1.4-04]; [H1-1.4-09]. Bên cạnh đó, tập thể giáo viên trường trẻ, năng động, sáng tạo, chịu học hỏi nhưng chưa có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy nên chưa tham gia đóng góp, chia sẻ, thảo luận nhiều trong sinh hoạt tổ chuyên môn, giảng dạy.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đảm bảo cơ cấu tổ chức và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ thực hiện tốt việc xây dựng, triển khai, đánh giá, rà soát kế hoạch. Chất lượng nhà trường có chuyển biến rõ nét, tỷ lệ học sinh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ học tập tăng dần qua các năm; đã có học sinh đạt giải cao khi tham gia các hội thi cấp huyện, thành phố, Quốc gia.

3. Điểm yếu:

Tập thể g đa số giáo viên trẻ, năng động, sáng tạo, chịu học hỏi, tích cực giảng dạy. Tuy nhiên vẫn còn một số giáo viên mạnh dạn, tham gia đóng góp, chia sẻ, thảo luận nhiều trong sinh hoạt tổ chuyên môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024-2025, nhà trường tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức các tổ chuyên môn và tổ văn phòng theo quy định; hiệu trưởng chỉ đạo tổ trưởng chuyên

môn cần đẩy mạnh sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng phát triển nghiên cứu bài học; phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Tạo điều kiện cho giáo viên chia sẻ kinh nghiệm nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục của đơn vị.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

- a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;
- b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;
- c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Toàn trường có 59 lớp với tổng số học sinh là 2845 em, đủ 5 khối từ khối lớp 1 đến khối lớp 5 theo quy định [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].
- b) Mỗi lớp học đều có ban cán sự lớp với lớp trưởng và 02 lớp phó. Các lớp được chia thành các tổ học sinh, mỗi tổ đều có tổ trưởng và tổ phó. Ban cán sự lớp được luân phiên thay đổi 04 lần/năm học nhằm thúc đẩy các hoạt động học tập và phong trào của lớp để đạt hiệu quả cao [H1-1.5-03].
- c) Trường đảm bảo nguyên tắc tự quản, dân chủ tại các lớp học. Tất cả mọi hoạt động của lớp đều được thực hiện công khai, minh bạch [H1-1.5-03].

Mức 2:

- a) Năm học 2023-2024, trường có 59 lớp vượt quá 30 lớp theo quy định của Điều lệ trường tiểu học [H1-1.5-02].
- b) Tổng số học sinh 2845 học sinh. Sĩ số bình quân của mỗi lớp là 48,20 học sinh, vượt quá so với quy định là 35 học sinh/lớp theo Điều lệ Trường tiểu học [H1-1.5-02].

c) Ngoài việc cơ cấu tổ chức học theo lớp, giáo viên chủ nhiệm còn tổ chức lớp học theo nhóm, tổ chức lớp học ngoài sân trường nhằm giải quyết các nhiệm vụ học tập và các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp [H1-1.5-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt việc xây dựng cơ cấu tổ chức các lớp học theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

3. Điểm yếu

Nhà trường thực hiện tốt việc xây dựng cơ cấu tổ chức các lớp học theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục duy trì xây dựng kế hoạch cơ cấu tổ chức các lớp học theo đúng quy định của Điều lệ trường tiểu học.

Trong năm học 2024-2025, hiệu trưởng tích cực tham mưu lãnh đạo Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn, Phòng Giáo dục và Đào tạo phân tuyến, giao chỉ tiêu huy động trẻ 06 tuổi trên địa bàn vào lớp Một thích hợp để đảm bảo trường thực hiện được quy định của Điều lệ Trường tiểu học về số lớp/trường và số học sinh/lớp.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện đầy đủ hồ sơ phục vụ cho hoạt động giáo dục trong nhà trường như: sổ đăng bộ [H1-1.6-01], sổ theo dõi kết quả kiểm tra, đánh giá học sinh [H1-1.5-01] lưu trữ đầy đủ học bạ của học sinh [H1-1.6-02], sổ nghị quyết và kế hoạch công tác [H1-1.6-03], phần mềm quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.6-04], sổ thi đua khen thưởng [H1-1.6-05], sổ quản lý tài sản, tài chính [H1-1.6-06], sổ công văn đến [H1-1.6-07], sổ công văn đi [H1-1.6-08]. Các hồ sơ được cập nhật đầy đủ, đúng tiến độ, chính xác.

b) Trường có thực hiện lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo quy định của Nhà nước. Trường có kế hoạch định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định. Tổ trưởng văn phòng giúp hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính, tài sản trong trường và hạch toán tài chính, thống kê theo quy định [H1-1.6-09].

- Quy chế chi tiêu nội bộ luôn được cập nhật, bổ sung phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế tại trường và đều được tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên bàn bạc, thống nhất tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của trường [H1-1.6-10].

- Trường thực hiện các nội dung công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 về công khai cơ sở vật chất, công khai ngân sách đúng quy định. Hình thức công khai trên bản tin, trong họp hội đồng sư phạm [H1-1.6-10]; [H1-1.6-11].

c) Trường có giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở; thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng tài chính được giao; thực hiện việc tu bổ mua sắm cơ sở vật chất để phục vụ các hoạt động giáo dục [H1-1.6-13]; [H1-1.6-14].

Mức 2:

a) Nhà trường đã và đang triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà trường, lưu trữ dữ liệu trên máy tính. Đồng thời, trường chú ý đến việc cập nhật trang thông tin điện tử của trường [H1-1.6-15].

b) Từ năm học 2015-2016 đến nay, trường không có vi phạm nào về việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản [H1-1.6-09].

Mức 3:

Trường chưa có kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường nhằm góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

2. Điểm mạnh

Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ đầy đủ theo quy định. Hằng năm lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định, theo quy chế chi tiêu nội bộ, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Thực hiện hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà trường, lưu trữ dữ liệu trên máy tính.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng phân công cho bộ phận kế toán nghiên cứu, xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường chú trọng việc thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong đội ngũ; có kế hoạch, tạo điều kiện và khuyến khích, động viên đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03]; [H1-1.6-10]. Hiện nay, 97,72% cán bộ quản lý và giáo viên có trình độ chuyên môn đạt chuẩn, tỉ lệ trên chuẩn đạt 2,27% [H1-1.4-07]. Tuy nhiên, vẫn còn một giáo viên chưa tích cực trong việc học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Trường có kế hoạch và phân công rõ ràng, cụ thể đối với từng thành viên trong trường. Công tác tuyển dụng nhân viên được thực hiện theo đúng quy định của Luật Lao động và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan [H1-1.7-01].

- Hồ sơ cán bộ, giáo viên và nhân viên được cập nhật đầy đủ hằng năm [H1-1.7-02].

- Trường thực hiện tốt công tác quy hoạch đội ngũ kế cận giai đoạn 2020-2025; 2025-2030 theo chỉ đạo của cấp trên [H1-1.7-02].

- Nhà trường thực hiện tốt việc phân công, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên nhằm phát huy được năng lực của cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03].

c) Cán bộ, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 29 Điều lệ trường tiểu học. Trường tạo mọi điều kiện để giáo viên thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh. Cán bộ, giáo viên, nhân viên được học nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, học tập tin học, ngoại ngữ; được hưởng lương, phụ cấp, các chế độ khác theo quy định; được hưởng mọi quyền lợi về vật chất và tinh thần, được chăm sóc sức khỏe theo chế độ, được bảo vệ nhân phẩm, danh dự và thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật [H1-1.1-02]; [H1-1.6-10].

Mức 2:

Nhà trường thường xuyên thực hiện việc đánh giá các hoạt động để từ đó làm cơ sở cho sự phân công, điều chỉnh cá nhân thực hiện. Qua đó, nhà trường phát huy được năng lực của đội ngũ cán bộ, viên chức, nhân viên trong việc thực hiện nhiệm vụ, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chung của trường [H1-1.1-02]; [H1-1.6-04]. Tuy nhiên nhà trường chưa có biện pháp cụ thể để phát huy được năng lực của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt việc quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên, phân công hợp lý, tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, đảm bảo các quyền theo đúng quy định.

3. Điểm yếu

Còn 1 giáo viên chưa tích cực trong việc học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024-2025, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng chuyên môn điều chỉnh, bổ sung các biện pháp cụ thể hơn để phát huy được năng lực của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường. Nhà trường tiếp tục tạo điều kiện về thời gian, xây dựng cơ chế hỗ trợ học phí, chế độ đãi ngộ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên học tập, nâng cao trình độ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có đề ra kế hoạch giáo dục và quản lý các hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; quản lý học sinh theo quy định của Điều lệ Trường tiểu học. Các kế hoạch được xây dựng trên cơ sở phù hợp với quy định, điều kiện tại địa phương và tình hình thực tế của trường [H1-1.1-03].

b) Dựa vào kế hoạch giáo dục, nhà trường tiến hành triển khai các công việc đã đề ra và thực hiện công tác quản lý nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục. Các bộ phận, cá nhân được phân công nhiệm vụ để thực hiện [H1-1.4-02].

c) Trường thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động, đánh giá rút kinh nghiệm trong phiên họp Hội đồng giáo dục hằng tháng, trong Hội đồng Thi đua [H1-1.6-03]; [H1-1.8-03].

Trường thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra nội bộ với đầy đủ kế hoạch các lần kiểm tra định kỳ, có thực hiện phân công coi kiểm tra cụ thể, đảm bảo đúng quy chế chuyên môn, kiểm tra hoạt động sư phạm nhà giáo đúng theo kế hoạch đã đề ra [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Mức 2:

Nhà trường đã có những biện pháp để thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động giáo dục tại trường và đã được cơ quan quản lý cấp trên đánh giá đạt hiệu quả, khen thưởng; cụ thể:

- Cờ thi đua của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với thành tích hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ năm học 2020-2021 [H1-1.8-04];
- Danh hiệu Tập thể lao động Xuất sắc liên tục từ năm học 2015-2016 đến năm học 2021-2022 [H1-1.8-05].
- Nhà trường đôi khi chưa thực hiện đúng tiến độ kế hoạch hoạt động ngoại khóa đã đề ra do có những công tác đột xuất khác.

2. Điểm mạnh

Kế hoạch hoạt động giáo dục năm học được xây dựng và thực hiện tốt, phù hợp với tình hình thực tế của trường. Nhà trường đã có những biện pháp để thực hiện công tác lãnh chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động giáo dục tại trường và đã được cơ quan quản lý cấp trên đánh giá đạt hiệu quả cao.

3. Điểm yếu

Nhà trường đôi khi chưa thực hiện đúng tiến độ kế hoạch hoạt động ngoại khóa đã đề ra do có những công tác đột xuất khác.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025, hiệu trưởng chú trọng phát huy thế mạnh trong việc thực hiện các hoạt động ngoại khóa và sắp xếp, bố trí, phân công nhân sự phù hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi để các hoạt động thực hiện kịp tiến độ như kế hoạch đã đề ra.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) *Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;*

b) *Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;*

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường nghiêm túc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở; tất cả mọi hoạt động, nội dung có liên quan đều được đưa ra thảo luận công khai tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các cuộc họp Hội đồng Giáo dục hàng tháng. Toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên đều được biết và tham gia đóng góp ý kiến, bàn bạc, thống nhất [H1-1.6-10]. Tuy nhiên ý kiến đóng góp của cán bộ, giáo viên, nhân viên chưa thật sự tập trung vào những vấn đề cần thiết cho sự phát triển nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của trường [H1-1.6-10].

b) Trong các năm học qua, mọi kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường về chế độ chính sách đều được hiệu trưởng phối hợp cùng Ban chấp hành Công đoàn giải đáp trong hội nghị cán bộ, công chức và trong các cuộc họp hội đồng sư phạm định kỳ hợp lý, đúng pháp luật; không có khiếu nại, tố cáo xảy ra tại trường [H1-1.6-10]; [H1-1.6-11]; [H1-1.6-12].

c) Hằng năm, trường đều có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đầy đủ, đảm bảo nghiêm túc việc triển khai và thực hiện nội dung này tại trường [H1-1.6-10].

Mức 2:

Nhà trường đã thực hiện tốt các biện pháp nhằm đảm bảo quy chế dân chủ cơ sở được thực hiện một cách công khai, minh bạch, hiệu quả nên nhiều năm qua đơn vị không có hiện tượng đơn thư khiếu tố, khiếu nại. Để thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, vào đầu mỗi năm học, nhà trường chỉ đạo Ban thanh tra nhân dân xây dựng kế hoạch kiểm tra hàng tháng và thực hiện các biện pháp giám sát, đảm bảo tính công khai, minh bạch, hiệu quả, tất cả nội dung đều được Hội đồng trường

thảo luận và lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.6-10]. Tất cả mọi hoạt động diễn ra trong trường đều được đưa ra bàn bạc, thảo luận và lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên toàn trường [H1-1.6-10]. Tuy nhiên, số lượng ý kiến chưa nhiều và chưa tập trung vào nhiệm vụ phát triển nhà trường.

2. Điểm mạnh

Trường thực hiện tốt quy chế dân chủ tại đơn vị, tạo điều kiện cho từng cá nhân trong trường được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến. Tất cả các nội dung đều được đưa ra thảo luận công khai và lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường.

3. Điểm yếu

Ý kiến đóng góp của cán bộ, giáo viên, nhân viên chưa thật sự tập trung vào những vấn đề cần thiết cho sự phát triển nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025, hiệu trưởng chủ động tạo điều kiện để cán bộ, giáo viên, nhân viên đóng góp ý kiến, tập trung vào những vấn đề cần thiết cho sự phát triển nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án theo quy định: Phương án chữa cháy và cứu nạn cứu hộ [H1-1.10-01]; phương án xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích, phòng tránh các hiểm họa thiên tai [H1-1.10-02]; kế hoạch tổ chức thực hiện việc đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm trong trường học [H1-1.10-03]; kế hoạch phòng chống ma túy [H1-1.10-04].

b) Nhà trường xây dựng các kênh để tiếp nhận, xử lý thông tin phản ánh từ cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và người dân. Thông tin về số điện thoại, địa chỉ thư điện tử của cán bộ quản lý được công khai trên trang thông tin điện tử của trường [H1-1.6-15].

Ngoài ra, nhà trường luôn chú trọng việc đảm bảo an toàn cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên với các phương án, biện pháp thiết thực được xây dựng và triển khai cụ thể, phù hợp với tình hình, đặc điểm của địa phương. Phối hợp chặt chẽ với công an địa phương thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự trong và ngoài nhà trường. Không có dịch bệnh, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm xảy ra [H1-1.10-05]; [H1-1.10-06].

c) Thường xuyên giáo dục lối sống đạo đức cho học sinh, không có hiện tượng kỳ thị, phân biệt về giới tính, không có tình trạng bạo lực xảy ra trong nhà trường [H1-1.1-02].

Mức 2:

a) Nhà trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch nhằm phổ biến, hướng dẫn cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh về những vấn đề như đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm,... [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05].

b) Cán bộ quản lý nhà trường luôn tăng cường công tác kiểm tra, nắm bắt tình hình trong và ngoài trường; thường xuyên trao đổi, tiếp nhận các thông tin từ giáo viên, nhân viên, học sinh và các lực lượng giáo dục bên ngoài trường về những vấn đề có liên quan để từ đó có biện pháp kịp thời, hiệu quả [H1-1.10-06]. Nhà trường được công nhận đạt tiêu chuẩn về An ninh trật tự trường học và Đơn vị văn hóa nhiều năm liền [H1-1.10-06]. Tuy nhiên, vẫn chưa giải quyết dứt điểm tình trạng buôn bán vào đầu giờ học.

c) Học sinh được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng. Trường không có các tệ nạn xã hội, không có hiện tượng kỳ thị, phân biệt về giới tính, không có tình trạng bạo lực xảy ra trong nhà trường [H1-1.10-06].

2. Điểm mạnh

Tình hình an ninh trật tự, an toàn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh được đảm bảo trong nhiều năm qua. Nhà trường được công nhận đạt tiêu chuẩn về An ninh trật tự trường học và Đơn vị văn hóa nhiều năm liền.

3. Điểm yếu

Vẫn còn tình trạng buôn bán trước cổng trường vào đầu giờ học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025, và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục xây dựng và thực hiện các kế hoạch, phương án phối hợp trong việc đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh,... trong trường.

Tháng 09 năm 2024, hiệu trưởng kịp thời tham mưu với chính quyền địa phương có biện pháp giải quyết tình trạng buôn bán trước cổng trường vào đầu giờ học.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật

- Chiến lược phát triển nhà trường được xây dựng, triển khai tổ chức thực hiện với những nội dung phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định theo Luật và trên cơ sở nguồn lực của trường.

- Kế hoạch hoạt động giáo dục năm học được xây dựng và thực hiện tốt, phù hợp với tình hình thực tế của trường. Nhà trường đã có những biện pháp để thực hiện công tác lãnh đạo trong chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động giáo dục tại trường và đã được cơ quan quản lý cấp trên đánh giá đạt hiệu quả cao.

- Trường có Chi bộ Đảng, các tổ chức đoàn thể và chi hội Khuyến học trong trường để phối hợp cùng chính quyền thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao; phát huy được sức mạnh của tập thể và hỗ trợ tích cực cho các hoạt động của trường.

- Trường thực hiện tốt các quy định trong việc quản lý hành chính, quản lý tài chính và tài sản; đảm bảo chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên và nhân viên; đảm bảo thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ tại cơ sở.

Điểm yếu cơ bản

Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa có sự tham gia đóng góp ý kiến rộng rãi của cha mẹ học sinh và cộng đồng.

Số lớp và tỉ lệ học sinh/lớp vượt quá so với quy định theo Điều lệ trường tiểu học.

Trường chưa có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính phù hợp với điều kiện nhà trường.

Vẫn còn tình trạng buôn bán trước cổng trường vào đầu giờ học.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Cán bộ quản lý đạt trình độ Cử nhân tiểu học, Cử nhân quản lý giáo dục; có đủ sức khỏe, năng nổ, nhiệt tình, được tập thể nhà trường tin nhiệm về phẩm

chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 11 của Điều lệ Trường tiểu học.

Nhà trường có 97,72% giáo viên trình độ đạt chuẩn trở lên. Giáo viên có tay nghề chuyên môn vững vàng, có tâm huyết với nghề. Đội ngũ nhân viên có đủ số lượng, được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và đáp ứng yêu cầu các công việc được phân công.

Học sinh của trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của Điều lệ Trường tiểu học và của pháp luật. Các em thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học sinh và được đảm bảo các quyền theo quy định.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có 03 cán bộ quản lý đều đạt và trên chuẩn theo quy định, trong đó 02 cán bộ quản lý có bằng Thạc sĩ giáo dục. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều có số năm dạy học từ 5 năm trở lên. Hiệu trưởng có 30 năm công tác, phó hiệu trưởng 1 có 27 năm công tác, phó hiệu trưởng 2 có 33 năm công tác. Hiệu trưởng, phó hiệu

trưởng có quyết định bổ nhiệm của Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn đúng quy định [H2-2.1-01].

b) Hằng năm, cán bộ quản lý được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn đánh giá đạt từ khá trở lên theo Quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông [H2-2.1-02].

c) Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đều có trình độ Trung cấp chính trị [H2-2.1-04]; thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 11 của Điều lệ Trường tiểu học và được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Năm học 2023-2024, cán bộ quản lý trường luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao và được đánh giá chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên [H2-2.1-02].

b) Đội ngũ cán bộ quản lý được bồi dưỡng, tập huấn đầy đủ về lý luận chính trị theo quy định; Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng 1 có bằng Thạc sĩ giáo dục học và được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm, góp phần xây dựng đội ngũ giáo viên vững vàng về chuyên môn, chuẩn mực về đạo đức; thúc đẩy và quản lý hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường [H2-2.1-04]; [H2-2.1-05]. Tuy nhiên hiệu trưởng và phó hiệu trưởng chưa đạt trình độ Cao cấp lý luận chính trị.

Mức 3:

Cán bộ quản lý liên tục được lãnh đạo cấp trên đánh giá đạt khá, xuất sắc theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường tiểu học năm học 2023-2024 [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vững vàng, được tập thể tín nhiệm, góp phần xây dựng đội ngũ giáo viên vững vàng về chuyên môn, chuẩn mực về đạo đức; thúc đẩy và quản lý hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Đội ngũ cán bộ quản lý chưa có trình độ cao cấp chính trị.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cán bộ quản lý nhà trường tiếp tục đẩy mạnh công tác tự học, tự rèn để nâng cao năng lực quản lý trường học; xây dựng phong cách lãnh đạo khoa học; bồi dưỡng đạo đức cách mạng để giữ được uy tín trước tập thể.

Cuối năm học 2023-2024, đội ngũ quản lý phân đầu thực hiện để đạt mức đánh giá tốt của chuẩn hiệu trưởng tiểu học theo tinh thần Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT.

Năm 2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng hoặc phó hiệu trưởng cố gắng được tham gia lớp cao cấp chính trị.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2023-2024, trường có 59 lớp học 2 buổi/ngày. Tổng số giáo viên của trường là 92. Tỷ lệ giáo viên/lớp là 1,42 chưa đạt so với quy định tại Khoản 3 Điều 6 Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập [H1-1.1-03]. Số lượng giáo viên trong định biên chưa đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

- Đội ngũ giáo viên bộ môn gồm có 04 giáo viên dạy Thể dục, 03 giáo viên dạy Tin học (01 thỉnh giảng), 02 giáo viên dạy Âm nhạc, 12 giáo viên dạy tiếng Anh và 01 giáo viên Tổng phụ trách Đội đáp ứng các tiêu chuẩn về vị trí giáo viên tổng phụ trách Đội [H2-2.1-06].

b) 197,72% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định [H2-2.2-01].

c) Trường thực hiện nghiêm túc việc đánh giá giáo viên theo quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học. Trong 05 năm liên tiếp, 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp loại khá trở lên [H2-2.2-03].

	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Trung bình	00	00	00	00	00
Khá	50	50	79	75	78

	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Tốt	00	00	00	13	14

Mức 2:

a) Số lượng giáo viên đạt trình độ đạt chuẩn là 86/88 giáo viên, đạt tỷ lệ 97.72%. Tỷ lệ giáo viên đạt trình độ đạt chuẩn đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu [H2-2.2-02].

b) Năm học 2023-2024, 100% giáo viên luôn được đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông từ mức khá trở lên [H2-2.2-03].

c) Trong những năm qua, nhà trường không có 01 trường hợp giáo viên bị kỷ luật [H1-1.6-11].

Mức 3

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trình độ đạt chuẩn đào tạo chiếm đa số trong trường, đạt tỷ lệ là 97,72% [H2-2.2-03].

b) Trong những năm qua, 100% giáo viên được đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông đạt từ mức khá trở lên [H2-2.2-03].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học. Tỷ lệ giáo viên đạt trình độ trên chuẩn đào tạo, chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học cao. Hầu hết giáo viên đều tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn của ngành, có tinh thần học hỏi, tích cực đổi mới phương pháp để nâng cao chất lượng dạy và học.

3. Điểm yếu

Cong 02/88 giáo viên chưa đạt chuẩn theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, hiệu trưởng vận động, tạo điều kiện để giáo viên tham gia học chuẩn hóa trình độ đào tạo theo quy định.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Tổ văn phòng có 4 người gồm 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên thủ quỹ, 01 nhân viên văn thư, 01 nhân viên thư viện thiết bị, 01 nhân viên y tế (hợp đồng khoán) đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công [H1-1.4-02]; [H2-2.3-01].

b) Đội ngũ nhân viên được phân công công việc phù hợp với năng lực công tác, bảo đảm thực hiện hiệu quả công tác hành chính, tài chính, chăm sóc sức khỏe và các hoạt động giáo dục khác của đơn vị [H1-1.4-02].

c) Nhân viên hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Nhân viên có ý thức kỷ luật trong lao động, có tinh thần đoàn kết tốt, có tinh thần học hỏi, nhiệt tình với công việc, có phong cách giao tiếp tốt trong môi trường sư phạm [H2-2.3-03]; được đảm bảo các chế độ chính sách như lương, bảo hiểm xã hội [H1-1.6-12].

Mức 2:

- a) Căn cứ Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, số lượng nhân viên kế toán, văn thư, thư viện, thiết bị, phụ trách y tế định biên là 05 người. Trường không đủ số nhân viên theo định biên nên phải hợp đồng khoán [H1-1.7-01].

b) Trong những năm qua, nhà trường không có trường hợp nhân viên bị xử lý kỉ luật [H1-1.6-11].

Mức 3:

a) Đội ngũ nhân viên được phân công nhiệm vụ phù hợp theo năng lực chuyên môn, nghiệp vụ [H2-2.3-02].

b) Đội ngũ nhân viên đều được nhà trường tạo điều kiện tham gia đầy đủ các khoá, lớp tập huấn bồi dưỡng theo vị trí việc làm [H2-2.1-06].

2. Điểm mạnh

100% Đội ngũ nhân viên được nhà trường đạt chuẩn, được phân công nhiệm vụ phù hợp theo năng lực và tất cả đều có tinh thần trách nhiệm cao, luôn hoàn thành tốt công việc được giao. Nhà trường đảm bảo nhân viên được hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định.

3. Điểm yếu

Trường còn thiếu 2 vị trí nhân viên Công nghệ thông tin và hỗ trợ khuyết tật theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024, Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo xin Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn bổ sung biên chế được giao, tuyển dụng thêm nhân viên đáp ứng với nhu cầu biên chế của trường theo vị trí đề án việc làm 2024 đã được duyệt.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

a) Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định;

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;

c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường đã thực hiện tốt công tác tuyển sinh trên địa bàn do ủy ban nhân dân huyện phân tuyến hằng năm; chỉ đạo tốt công tác dạy và học để giảm tỉ lệ học sinh lưu ban. Vì vậy, trong 5 năm trở lại đây trường không có học sinh quá 14 tuổi đang theo học [H2-2.4-01]; [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

b) Học sinh có ý thức trách nhiệm, thực hiện đầy đủ 05 nhiệm vụ của học sinh, nghiêm túc thực hiện nội quy của nhà trường đề ra, biết tự phục vụ, tự quản và hợp tác với các học sinh khác nhưng chưa cao. Học sinh thực hiện tốt nhiệm vụ theo Điều 34 của Điều lệ Trường tiểu học [H2-2.4-01].

c) Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ Trường tiểu học. Học sinh được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng; được đảm bảo những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập và rèn luyện. Các em được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu; được nhận học bổng và được hưởng chính sách xã hội theo quy định [H1-1.1-02].

Mức 2:

Nhà trường chú ý rèn luyện, giáo dục năng lực phẩm chất cho học sinh. Các trường hợp học sinh vi phạm được giáo viên, nhà trường phát hiện kịp thời để có biện pháp giáo dục phù hợp [H1-1.1-02]; [H1-1.5-01]; [H2-2.4-01].

Mức 3:

Nhà trường thực hiện tốt việc nêu gương học sinh có thành tích học tập, rèn luyện để làm động lực cho những học sinh noi theo, từ đó nâng cao chất lượng giáo dục chung của trường [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Trường đảm bảo và thực hiện tốt các quy định về độ tuổi đi học của học sinh. Học sinh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình và đúng quy định. Học sinh thực hiện tốt nhiệm vụ của học sinh theo Điều 34 của Điều lệ Trường tiểu học.

Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ Trường tiểu học. Các bộ phận trong nhà trường có sự phối hợp chặt chẽ trong việc đảm bảo quyền của học sinh theo quy định, tạo điều kiện cho các em được phát triển toàn diện.

3. Điểm yếu

Năng lực tự phục vụ, tự quản và hợp tác của học sinh chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, nhà trường tiếp tục duy trì, đảm bảo quy định về độ tuổi học sinh vào tại trường. Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, hình thức tổ chức lớp để kích thích hứng thú học tập và phát huy năng lực của học sinh; xây dựng kế hoạch công tác chủ nhiệm trong đó chú ý phát huy năng lực tự phục vụ, tự quản và hợp tác của học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật

- Cán bộ quản lý có trình độ trên chuẩn, đủ năng lực quản lý, đạt tiêu chuẩn theo quy định; được bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng cho việc thực hiện nhiệm vụ tại trường.

- 100% giáo viên đạt chuẩn và được xếp loại khá trở lên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

- Trường có đội ngũ nhân viên có ý thức kỷ luật trong lao động, có tinh thần đoàn kết tốt, có tinh thần học hỏi, nhiệt tình với công việc, có phong cách giao tiếp tốt trong môi trường sư phạm.

- Trường đảm bảo và thực hiện tốt các quy định về độ tuổi đi học của học sinh. Học sinh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình và đúng quy định.

Điểm yếu cơ bản

- Số lượng giáo viên trong định biên chưa đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

- Tỷ lệ giáo viên/lớp chưa đảm bảo theo quy định.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 4/4

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/4

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có cổng trường, tường rào, sân chơi phù hợp với điều kiện địa phương; có đủ các phòng học, đảm bảo cho học sinh học 2 buổi/ngày. Trường có 16 khu vệ sinh riêng biệt, có nơi để xe cho giáo viên, nơi để xe khách; có hệ thống nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Thư viện của trường có đầy đủ sách, báo, tài liệu tham khảo và phòng đọc sách đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của giáo viên, nhân viên và học sinh, có đủ các loại sổ sách theo quy định đối với thư viện.

Thiết bị giáo dục luôn đảm bảo, đồ dùng dạy học được trang bị đầy đủ. Ngoài ra, trường khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học và sử dụng đồ dùng dạy học có hiệu quả. Hằng năm, trường có biện pháp duy trì, tăng cường hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục hiện có, đảm bảo tiết kiệm và chống lãng phí về đồ dùng dạy học, thiết bị.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;

c) Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.

Mức 2:

a) Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định;

b) Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.

Mức 3:

Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Khuôn viên trường có diện tích là 21777 m² [H1-1.6-14], trồng nhiều cây xanh đảm bảo: xanh, sạch, đẹp để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh [H3-3.1-01].

b) Khuôn viên của trường có tường xây bảo vệ cao 02 m. Cổng trường và tường rào đảm bảo an toàn, thẩm mỹ. Cổng trường rộng, có biển tên trường rõ ràng, đáp ứng theo quy định tại Khoản 2, Điều 5 của Điều lệ Trường tiểu học [H3-3.1-02].

c) Trường có sân chơi rộng rãi, thoáng mát cũng là sân tập thể dục cho học sinh [H3-3.1-03].

Mức 2:

a) Diện tích khuôn viên trường rộng rãi. Có sân chơi, sân tập thể dục bằng phẳng, có cây xanh bóng mát trong sân với độ phủ cây xanh trên 30% diện tích trường; diện tích sân là 8553 m² chiếm 39,7% diện tích mặt bằng xây dựng của trường [H3-3.1-01].

b) Nhà trường đảm bảo diện tích, chất lượng sân chơi, sân tập cho học sinh trong giờ học thể dục và hoạt động [H3-3.1-01].

Mức 3:

Nhà trường đảm bảo trang bị cho học sinh sân chơi, sân tập, có cây xanh che bóng mát. Tuy nhiên sân trường có hiện tượng bong tróc nền gạch do rễ cây đội lên, có thể ảnh hưởng đến an toàn khi tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh, chưa trang bị đồ chơi, thiết bị vận động trong sân chơi, sân tập [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh

Khuôn viên trường có nhiều cây xanh, môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện, đảm bảo an ninh trật tự, tạo điều kiện tốt nhất cho học sinh học tập và vui chơi.

3. Điểm yếu

Sân trường có hiện tượng bong tróc nền gạch do rễ cây đội lên, có thể ảnh hưởng đến an toàn khi tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh, chưa trang bị đồ chơi, thiết bị vận động trong sân chơi, sân tập.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, hiệu trưởng lập kế hoạch cải tạo sân trường hằng năm, cân đối kinh phí, mua sắm đồ chơi, thiết bị vận động tại sân chơi.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

- a) *Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;*
- b) *Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định;*
- c) *Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.*

Mức 2:

- a) *Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) *Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;*
- c) *Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định.*

Mức 3:

Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có 59 phòng học đủ cho 59 lớp học, lớp học có đủ ánh sáng, thoáng mát, an toàn cho giáo viên và học sinh theo quy định về vệ sinh trường học. Các phòng học có diện tích là 56 m^2 [H3-3.1-03].

b) Mỗi phòng học đều được trang bị đầy đủ bàn ghế học sinh theo đúng tiêu chuẩn, có bàn ghế cho giáo viên theo quy định. Bảng lớn trong mỗi phòng có màu xanh, kích thước là $1,2 \text{ m} \times 3,6 \text{ m}$. Cách treo bảng trong lớp học được đảm bảo quy định về vệ sinh trường học của Bộ Y tế [H3-3.1-03]. Bên cạnh đó, trường còn trang bị cho các lớp ảnh Bác, bảng 05 điều Bác Hồ dạy, bảng chữ cái, bảng trích thư Bác Hồ gửi học sinh, bản đồ Việt Nam, góc sản phẩm, góc thư viện cho mỗi phòng học. Hằng năm, trường đều có kế hoạch thực hiện tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị giáo dục phục vụ các hoạt động giáo dục [H3-3.2-01].

c) Các phòng học đều được trang bị đầy đủ hệ thống đèn, quạt, tủ đựng hồ sơ và thiết bị dạy học cho giáo viên [H3-3.2-01].

Mức 2:

a) Diện tích phòng học là 56 m^2 . Đối chiếu theo mục 5.2.3 TCVN 8793:2011 về diện tích phòng học được xác định với tiêu chuẩn $1,25 \text{ m}^2/\text{học sinh}$ và số lượng sĩ số học sinh hiện nay thì diện tích phòng học chưa đảm bảo theo quy định [H3-3.2-01].

b) Trong các phòng học, nhà trường đều trang bị tủ đựng thiết bị dạy học cho giáo viên [H3-3.2-01].

c) Nhà trường đảm bảo các yêu cầu theo quy định về kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng và màu sắc bàn ghế học sinh trong lớp [H3-3.2-01].

Mức 3:

Trường có trang bị 04 phòng giảng dạy tin học, 02 phòng học tiếng Anh; 01 phòng học STEM; 01 phòng âm nhạc [H3-3.2-01].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ phòng học và các trang thiết bị bên trong đảm bảo quy định của Điều lệ Trường tiểu học. Cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường đầy đủ, phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập.

3. Điểm yếu

Diện tích phòng học so với số lượng học sinh và tiêu chuẩn TCVN 8793:2011 chưa đảm bảo.

Trường chưa có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, hiệu trưởng tham mưu, đề xuất với lãnh đạo huyện phân tuyến tuyển sinh nhằm giảm dần số lượng học sinh của mỗi lớp, đảm bảo diện tích bình quân trên học sinh theo quy định. Sắp xếp thêm phòng hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;

b) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có các phòng chức năng phục vụ việc giảng dạy và giáo dục học sinh gồm phòng tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và phòng hoạt động Đội [H3-3.2-01]. Diện tích phòng thiết bị chưa đảm bảo theo quy định.

b) Khối phòng hành chính - quản trị của trường gồm có phòng hiệu trưởng, 02 phòng phó hiệu trưởng, 01 phòng hành chánh, 01 phòng y tế, 01 phòng bảo vệ. Các phòng đều trang bị các trang thiết bị tối thiểu để làm việc như bàn ghế, tủ đựng hồ sơ, máy tính và các phương tiện khác [H3-3.2-01].

c) Trường có khu vực để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và khách được đặt ở vị trí thuận tiện. Khu để xe an toàn, thực hiện tốt khâu bảo vệ trong việc bảo quản xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Nhà trường không có nhà để xe học sinh vì học sinh còn nhỏ, các em tự đi bộ hoặc do ba mẹ đưa đón [H3-3.1-03].

Mức 2:

a) Khối phòng phục vụ học tập và hành chính - quản trị: văn phòng trường, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng y tế, phòng bảo vệ, khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh theo quy định [H3-3.1-03]; [H3-3.2-01].

b) Hồ sơ, tài liệu, các văn bản đều được lưu trữ cẩn thận trong tủ hồ sơ [H3-3.2-01].

Mức 3:

Nhà trường chú ý trang bị đầy đủ các trang thiết bị cho khối phòng phục vụ học tập, hành chính - quản trị; đáp ứng tốt việc hoạt động và hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động của nhà trường [H3-3.2-01].

2. Điểm mạnh

Trường có đầy đủ các khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập cũng như các hoạt động khác của nhà trường.

3. Điểm yếu

Trường chưa có phòng lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung. Trường chưa có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2024-2025 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân Huyện thực hiện lại phân tuyến tuyển sinh giảm dần số lượng học sinh để sắp xếp thêm phòng hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có khu vệ sinh dành cho giáo viên, nhân viên, học sinh; được đặt tại những vị trí phù hợp, thuận tiện, đảm bảo an toàn và sạch sẽ [H3-3.4-01].

b) Trường sử dụng hệ thống nước máy do Công ty Cấp nước Trung An cung cấp; đáp ứng nguồn nước sạch phục vụ cho ăn uống, nhu cầu sử dụng hằng ngày; đảm bảo an toàn vệ sinh. Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.4-02].

c) Trường thực hiện tốt việc thu gom rác và xử lý chất thải, đảm bảo vệ sinh môi trường. Trường có bố trí địa điểm tập kết rác thải và thời gian thu gom rác hợp lý, đúng theo kế hoạch nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường, không ảnh hưởng đến các hoạt động khác của trường [H3-3.4-03].

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định [H3-3.4-01].

b) Nhà trường sử dụng hệ thống nước thủy cục để nấu ăn cho học sinh, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đều đáp ứng theo quy định [H3-3.4-02]; [H3-3.4-03].

2. Điểm mạnh

Trường có khu vệ sinh riêng cho giáo viên và học sinh, nhà vệ sinh luôn đảm bảo khô, thoáng, sạch sẽ. Hệ thống nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng cho giáo viên, nhân viên và học sinh. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường.

3. Điểm yếu

Trường có khu vệ sinh chưa đảm bảo yêu cầu tại mục 5.6.2 của TCVN 8793:2011 về yêu cầu diện tích tối thiểu nhà vệ sinh cho học sinh. Chưa có phòng dành riêng đặc biệt dành cho học sinh khuyết tật hòa nhập.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024- 2025 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng tích cực tham mưu lãnh đạo Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn, Phòng Giáo dục và Đào tạo giảm sĩ số học sinh toàn trường nhằm đảm bảo yêu cầu diện tích tối thiểu nhà vệ sinh cho học sinh. hiệu trưởng điều chỉnh, bố trí khu nhà vệ sinh dành 1 phòng vệ sinh riêng biệt dành cho học sinh khuyết tật hòa nhập.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường trang bị đầy đủ các thiết bị văn phòng như máy tính kết nối mạng Internet, máy in, máy photocopy... phục vụ đầy đủ, kịp thời các hoạt động giáo dục, công tác quản lý và giảng dạy [H3-3.5-01].

b) Nhà trường có phòng thiết bị đảm bảo đủ các thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ giảng dạy và học tập đảm bảo quy định theo chương trình GDPT 2018 và Thông tư số 15/2009/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Bộ đồ dùng dạy học do kinh phí cấp được đưa lên từng lớp học cho giáo viên sử dụng. Số lượng bảng tương tác của trường hiện có là 03, trường đã trang bị thêm 45 ti vi để đáp ứng nhu cầu dạy học của giáo viên [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03].

c) Hằng năm, nhân viên thiết bị thực hiện tốt việc kiểm kê và có đề xuất với Ban Giám hiệu để thực hiện sửa chữa, bổ sung đồ dùng, thiết bị dạy học bị hư hỏng [H3-3.5-02], [H3-3.5-03].

Mức 2:

a) Nhà trường trang bị đầy đủ mạng internet cho hệ thống máy tính nhằm phục vụ công tác học tập và hỗ trợ hoạt động dạy học [H3-3.5-01].

b) Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị dạy học theo danh mục quy định. [H3-3.5-02].

c) Hằng năm, trên cơ sở thực hiện việc kiểm kê, đánh giá hiện trạng các thiết bị; nhân viên thiết bị lập kế hoạch mua sắm, bổ sung thiết bị, phương tiện dạy học [H3-3.5-04]; [H3-3.5-05].

Mức 3:

Ngoài việc khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị dạy học được trang bị, trường khuyến khích giáo viên tự làm thiết bị, đồ dùng dạy học nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục [H3-3.5-03]. Tuy nhiên các thiết bị, đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên còn đơn sơ, chưa đạt hiệu quả cao.

2. Điểm mạnh

Trường đảm bảo đầy đủ các thiết bị và đồ dùng dạy học nhằm phục vụ tốt hoạt động giảng dạy. Giáo viên tích cực sử dụng có hiệu quả thiết bị giáo dục trong giảng dạy và học tập.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên chưa khai thác triệt để và sử dụng hiệu quả các thiết bị dạy học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025 trở đi, hiệu trưởng phân công phó hiệu trưởng xây dựng chuyên đề sử dụng hiệu quả đồ dùng dạy học với sự chia sẻ của giáo viên về việc sử dụng đồ dùng dạy học hiệu quả trong tiết dạy và các tiết thao giảng minh họa giúp giáo viên học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau, nâng cao chất lượng giảng dạy.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt

động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Thư viện có trang bị tủ đựng báo, sách giáo khoa, sách tham khảo, truyện thiếu nhi,... đảm bảo phục vụ hoạt động dạy học cho giáo viên và học sinh sử dụng vào việc tham khảo và nghiên cứu [H3-3.6-01].

b) Thư viện có kế hoạch, nội dung hoạt động phù hợp, mở cửa thường xuyên đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy và học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Hằng năm, thư viện tổ chức các hội thi kể chuyện theo chủ đề, triển lãm trưng bày sách mới, vẽ tranh theo chủ điểm, kể chuyện Bác Hồ, ngày hội đọc sách, vận động học sinh đóng góp sách, truyện,... tạo sự phong phú, đa dạng cho hoạt động thư viện nhằm thu hút cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đến đọc và tham khảo [H3-3.6-02].

c) Nhân viên thư viện thường xuyên thực hiện kiểm kê, báo cáo số liệu đầu sách, báo, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo. Từ đó, thực hiện đề xuất trường trích ngân sách Nhà nước mua thêm sách, báo, truyện, tài liệu dạy học và tài liệu tham khảo khác để bổ sung cho tủ sách thư viện [H3-3.6-03]; [H3-3.6-04].

Mức 2:

Thư viện được đặt ở nơi thuận tiện nhằm phục vụ học sinh, giáo viên và nhân viên với diện tích phòng là 79 m². Thư viện của nhà trường được công nhận Thư viện tiên tiến theo quy định tại Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến. Số lượng máy tính của thư viện được kết nối internet chưa đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

2. Điểm mạnh

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện tiên tiến nhiều năm liền. Thư viện trường có nhiều hoạt động đạt hiệu quả. Tủ sách thư viện đảm bảo đủ sách báo, tài liệu tham khảo đáp ứng tốt nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

3. Điểm yếu

Chưa trang bị hệ phần mềm quản lý thư viện, Số lượng máy tính của thư viện được kết nối internet chưa đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng sử dụng nguồn quỹ ngân sách để trang bị phần mềm quản lý thư viện đáp ứng việc tra cứu thông tin, quản lý thời gian mượn, trả sách thuận tiện, nhanh chóng. Cân đối kinh phí, tham mưu Ủy ban Nhân dân huyện duyệt chủ trương cho nhà trường mua bổ sung máy tính cho thư viện để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật

- Khuôn viên trường có nhiều cây xanh, môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện, đảm bảo an ninh trật tự, tạo điều kiện tốt nhất cho học sinh học tập và vui chơi.

- Trường có đủ phòng học và các trang thiết bị bên trong đảm bảo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường đầy đủ, phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập.

- Nhà trường có đầy đủ các khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập cũng như các hoạt động khác của nhà trường.

- Thư viện trường đạt Thư viện tiên tiến nhiều năm liền. Thư viện có nhiều hoạt động đạt hiệu quả. Tủ sách thư viện đảm bảo đủ sách báo, tài liệu tham khảo đáp ứng tốt nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Điểm yếu cơ bản

- Diện tích phòng học so với số lượng học sinh theo tiêu chuẩn TCVN 8793:2011 chưa đảm bảo.
- Diện tích phòng thiết bị chưa đảm bảo theo quy định.
- Trường chưa bố trí được các phòng riêng biệt để dạy các môn khoa học.
- Trường có khu vệ sinh chưa đảm bảo yêu cầu tại mục 5.6.2 của TCVN 8793:2011 về yêu cầu diện tích tối thiểu nhà vệ sinh cho học sinh.
- Nhân viên thư viện, thiết bị trường chưa là biên chế trong định biên theo quy định (hợp đồng khoán).

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 4/6

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/6

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Nhà trường xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ, thường xuyên với cha mẹ học sinh, tạo được sự đồng thuận, thống nhất trong công tác giáo dục học sinh về mọi mặt. Nhà trường chủ động phối hợp với địa phương và các tổ chức đoàn thể ở địa phương dưới nhiều hình thức nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng trường và môi trường giáo dục; không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục; nắm bắt thông tin hai chiều một cách kịp thời. Từ đó đề ra các biện pháp giáo dục phù hợp.

Nhà trường có tổ chức Ban đại diện cha mẹ học sinh và hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Nhà trường luôn chấp hành theo sự lãnh đạo của Đảng ủy xã Bà Điểm; phối hợp tốt với Ủy ban Nhân dân, các đoàn thể xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn tạo điều kiện thuận lợi trong công tác giáo dục học sinh.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có đầy đủ Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, từng lớp và được bầu ra vào đầu năm học [H4-4.1-01].

- Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Điều lệ Ban Đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh có kế hoạch và nghị quyết hoạt động cụ thể trong năm học [H4-4.1-01].

c) Trên cơ sở kế hoạch và nghị quyết hoạt động, Ban đại diện cha mẹ học sinh đã tổ chức thực hiện kế hoạch theo đúng tiến độ đã đề ra. Trường luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban đại diện cha mẹ học sinh trong các hoạt động. Định kỳ 03 lần trong năm học, trường tổ chức họp với tất cả cha mẹ học sinh lớp. Hằng tháng, giáo viên chủ nhiệm và cha mẹ học sinh thường xuyên trao đổi thông tin đầy đủ về tình hình học tập, đạo đức và các hoạt động khác của từng học sinh qua sổ liên lạc, điện thoại. Cha mẹ học sinh có thể gặp gỡ trực tiếp giáo viên hoặc cán bộ quản lý khi có vấn đề thắc mắc cần trao đổi, chia sẻ sau giờ lên lớp [H1-1.1-02]; [H4-4.1-02].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện tốt việc phối hợp với nhà trường trong các hoạt động giáo dục cho học sinh của trường; hỗ trợ nhà trường trong việc hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và các chủ trương, chính sách về giáo dục cho học sinh; vận động học sinh tích cực học tập. Các hoạt động do Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức, phối hợp đã mang lại kết quả cao; góp phần cùng nhà trường thực hiện nhiệm vụ chính trị chung. Tuy nhiên, ở một vài lớp Ban đại diện cha mẹ học sinh chưa thật sự chủ động phối hợp cùng giáo viên chủ nhiệm trong một số hoạt động [H1-1.1-02]; [H4-4.1-02].

Mức 3:

Ngoài việc phối hợp có hiệu quả với nhà trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh còn phối hợp tốt với chính quyền địa phương nơi nhà trường trú đóng nhằm bảo đảm an toàn, an ninh trật tự, tạo môi trường sư phạm lành mạnh; góp phần giúp nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao [H1-1.1-02]; [H4-4.1-02].

2. Điểm mạnh

Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh đảm bảo đúng theo Điều lệ. Ban đại diện hoạt động theo kế hoạch từng năm học, có những giải pháp cụ thể để giúp nhà trường trong công tác nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

3. Điểm yếu

Việc phối hợp của Ban đại diện Cha mẹ học sinh lớp với nhà trường, xã hội trong thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh chưa đạt hiệu quả cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024-2025 và những năm học tới, nhà trường đẩy mạnh công tác phối, kết hợp với Ban đại diện, tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, cha mẹ học sinh của lớp thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

- a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*
- b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*
- c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

Mức 2:

- a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*
- b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.*

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường [H4-4.2-01]. Hằng tháng, chi bộ, cán bộ quản lý nhà trường thường xuyên báo cáo về kế hoạch và các biện pháp hoạt động giáo dục cụ thể của nhà trường với Đảng ủy xã Bà Điểm [H4-4.2-01].

b) Chiến lược phát triển của trường giai đoạn 2021-2025 được nhà trường niêm yết công khai tại trường và gửi cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức, đoàn thể của địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh [H1-1.1-01].

- Nhà trường tổ chức cho giáo viên chủ nhiệm các lớp triển khai kế hoạch năm học của nhà trường, kế hoạch giảng dạy và giáo dục học sinh, cách đánh giá học sinh tiểu học đến toàn thể cha mẹ học sinh trong phiên họp đầu năm của lớp để cùng tham gia góp ý và hỗ trợ thực hiện [H4-4.1-02].

c) Nhà trường xây dựng kế hoạch vận động tài trợ được Phòng GDĐT duyệt tài trợ quà khen thưởng học sinh, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giáo dục của giáo viên và học sinh, phát triển nhà trường như: tặng quà Tết cho học sinh nghèo, mua thẻ bảo hiểm y tế cho học sinh khó khăn, khen thưởng học sinh đạt thành tích xuất sắc trong học tập và các phong trào, ... [H4-4.2-02].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ tham mưu, đề xuất với cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc tạo điều kiện thực hiện nhiệm vụ. Trước khi triển khai thực hiện các hoạt động tại trường, cán bộ quản lý nhà trường luôn thực hiện việc xin ý kiến chỉ đạo và triển khai thực hiện các hoạt động đã được thông qua nhằm đảm bảo tính thống nhất, lãnh đạo xuyên suốt từ cấp trên [H1-1.1-02]; [H4-4.2-01].

b) Nhà trường phối hợp tốt với các tổ chức đoàn thể thực hiện việc giáo dục cho học sinh về truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức lối sống,... Nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động thu hút học sinh tham gia [H1-1.1-02].

Mức 3:

Công tác phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương chưa được hiệu quả.

2. Điểm mạnh

Nhà trường chủ động tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp chặt chẽ các tổ chức, đoàn thể của địa phương trong việc thực hiện các kế hoạch hoạt động giáo dục, phát triển nhà trường. Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, thể dục thể

thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh.

3. Điểm yếu

Việc huy động kinh phí tự nguyện nguồn tài từ các tổ chức, cá nhân cho hoạt động khen thưởng của học sinh chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục thực hiện tốt công tác phối hợp giữa nhà trường, các lực lượng giáo dục trong và ngoài trường nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

Từ năm học 2024-2025, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch cụ thể gửi đến từng cha mẹ học sinh nắm rõ chủ trương nhà trường để cha mẹ học sinh thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục để huy động mọi nguồn lực, nguồn kinh phí từ cha mẹ học sinh, các mạnh thường quân đóng góp để giúp đỡ cho những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, khen thưởng các em đạt thành tích tốt trong học tập.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật

- Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo kế hoạch từng năm học, có giải pháp hỗ trợ trong việc giáo dục học sinh theo điều kiện thực tế của nhà trường.
- Nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền, phối hợp với các đoàn thể, tổ chức của địa phương trong việc thực hiện các kế hoạch giáo dục.

Điểm yếu cơ bản

- Ban đại diện cha mẹ học sinh ở một số lớp hoạt động chưa tích cực.
- Việc phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương chưa đạt hiệu quả.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 2/2

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/2

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Trong nhiều năm qua, trường đã triển khai thực hiện các nội dung, chương trình giáo dục và có kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Tổ chức hiệu quả cho giáo viên tham gia hội giảng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Phối hợp tốt với chính quyền địa

phương để thực hiện hiệu quả công tác Phổ cập giáo dục tiểu học. Tổ chức các hoạt động hỗ trợ giáo dục đáp ứng đúng yêu cầu của các môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hằng năm, nhà trường đều có đánh giá, xếp loại từng học sinh theo Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT và Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ban hành Quy định về đánh giá học sinh tiểu học. Trong năm học, nhà trường tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu, tạo điều kiện cho các em học sinh yếu có tiến bộ ở cuối năm học.

Nhà trường tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý việc học tập các bộ môn văn hoá cũng như việc giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh thông qua các tiết dạy và hoạt động ngoài giờ lên lớp; làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho học sinh và an toàn vệ sinh thực phẩm.

Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Mức 1:

- a) Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*
- b) Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;*
- c) Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.*

Mức 2:

- a) Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*
- b) Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Trường thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục, có xây dựng kế hoạch đảm bảo theo quy định của chương trình giáo dục phổ thông, các quy định của cơ quan quản lý cấp trên và điều kiện tình hình thực tế tại trường [H1-1.1-03]. Hằng năm, kế hoạch công tác năm học của nhà trường được lãnh đạo Phòng Giáo

dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phê duyệt, trường xây dựng các kế hoạch hoạt động các bộ phận theo quy định [H5-5.1-01].

b) Mục tiêu giáo dục toàn diện được đảm bảo thực hiện thông qua các hoạt động được xây dựng, triển khai từ các kế hoạch. Kết quả thực hiện mục tiêu giáo dục học sinh toàn diện luôn được đảm bảo trong những năm học vừa qua [H1-1.1-02].

c) Kế hoạch công tác chuyên môn của trường được Hiệu trưởng phê duyệt, đảm bảo công tác lãnh đạo, chỉ đạo chuyên môn đối với hoạt động của trường [H5-5.1-01].

Mức 2:

a) Trường luôn triển khai các thông tin mới, thông tin cập nhật của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường được biết và thực hiện [H1-1.6-03]; [H1-1.6-04].

b) Kế hoạch giáo dục, kế hoạch chuyên môn của trường được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh biết và cùng nhà trường thực hiện kế hoạch [H1-1.6-04]. Nhà trường thực hiện việc niêm yết công khai nội dung, kế hoạch trong phòng Hội đồng để giáo viên theo dõi. Tuy nhiên việc phổ biến, công khai kế hoạch giáo dục để cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch còn hạn chế.

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng đúng quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện, được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn kiểm tra, phê duyệt và được công khai đến tập thể sư phạm.

3. Điểm yếu

Một số kế hoạch giáo dục tuy có công khai trên trang web của đơn vị nhưng cha mẹ học sinh, cộng đồng ít tham gia ý kiến cùng cùng nhà trường thực hiện kế hoạch.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong Năm học 2024-2025, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng phụ trách công thông tin điện tử công khai các kế hoạch giáo dục, kế hoạch chuyên môn rộng rãi trên trang thông tin điện tử của đơn vị để cha mẹ học sinh, cộng đồng biết, Co kế hoạch giám sát và cùng nhà trường thực hiện tốt các mục tiêu kế hoạch đề ra.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;

c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Giáo viên dạy đủ các môn học, đúng chương trình, kế hoạch, đảm bảo yêu cầu theo chuẩn kiến thức và kỹ năng. Việc xây dựng thời khoá biểu thực hiện đúng theo văn bản số 7312/BGDĐT-GDTH ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Giáo dục [H5-5.2-01].

b) Trong những năm học vừa qua, trường đã triển khai đến giáo viên việc vận dụng các phương pháp dạy học tích cực, tổ chức lớp học theo mô hình trường tiểu học mới phù hợp với từng đối tượng học sinh. Tuy nhiên, vẫn còn một vài giáo viên lớn tuổi nên việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học tích cực còn chậm [H1-1.1-02].

c) Trường triển khai đến toàn thể giáo viên thực hiện quy định về đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT và Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ban hành Quy định về đánh giá học sinh tiểu học. Trường thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc thực hiện của giáo viên [H1-1.5-01]; [H1-1.5-03]; [H5-5.2-02].

Mức 2:

a) Trường luôn chú trọng việc thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục đã đề ra; triển khai đến toàn thể giáo viên lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp; chú ý đến từng đối tượng để đạt được kết quả giáo dục tốt nhất [H1-1.1-03]; [H1-1.5-01].

b) Căn cứ vào kết quả cuối năm của năm học trước, trường có kế hoạch phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. Phó hiệu trưởng chuyên môn chỉ đạo cho các tổ khối xây dựng kế hoạch phụ đạo học sinh tiếp thu bài chậm, bồi dưỡng học sinh năng khiếu. Giáo viên chủ nhiệm tăng cường phụ đạo, bồi dưỡng học sinh vào buổi dạy thứ hai, phối hợp cùng với cha mẹ học sinh trong việc theo dõi, kiểm tra việc học của học sinh thông qua sổ báo bài và sổ liên lạc [H5-5.2-03].

Mức 3:

Trường thường xuyên thực hiện việc đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp để làm cơ sở cho việc điều chỉnh, bổ sung, thay đổi nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục. Qua đó, trường luôn duy trì và nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh [H1-1.1-02]; [H1-1.4-13].

2. Điểm mạnh

Trường xây dựng đầy đủ kế hoạch năm học, tháng. Các kế hoạch được xây dựng cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế nhà trường, định hướng cho các tổ khối và giáo viên thực hiện đúng các chỉ đạo và quy định của ngành.

3. Điểm yếu

Việc rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên chưa thể hiện rõ trong biên bản.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng sơ kết, tổng kết chuyên môn phải phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên và định hướng những giải pháp cụ thể góp phần nâng cao chất lượng Giáo dục.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác

Mức 1:

a) Đảm bảo theo kế hoạch;

b) Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;

c) Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.

Mức 2:

Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.

Mức 3:

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình giảng dạy kỹ năng sống phù hợp với độ tuổi học sinh cho từng khối lớp do Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn hướng dẫn [H5-5.3-01]. Thông qua việc giảng dạy các môn học, giáo viên thường xuyên lồng ghép giáo dục kỹ năng sống cho từng học sinh. Trường tăng cường giáo dục và rèn kỹ năng sống cho học sinh trong tiết sinh hoạt ngoại khóa [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

- Hằng năm, trường xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, có chương trình và phân công cụ thể [H5-5.3-04].

b) Trong các tiết học, giáo viên thường xuyên sử dụng các hình thức tổ chức lớp học đa dạng, phong phú nhằm tạo cơ hội cho học sinh tham gia vào quá trình học tập một cách tích cực, chủ động, sáng tạo. Tuy nhiên vẫn còn học sinh nhút nhát, thụ động khi tham gia vào các hoạt động [H5-5.3-05].

- Trường đã tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp cho học sinh với nhiều hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với lứa tuổi học sinh theo từng chủ điểm như: thể dục giữa giờ, ngày hội, hội khỏe Phù Đổng, giáo dục vệ sinh răng miệng, kể chuyện theo sách, văn nghệ, vẽ tranh, học sinh tham quan di tích lịch sử, tham quan nông trại,... [H5-5.3-04].

c) Tất cả các hoạt động đều thông báo rộng rãi và thu hút số lượng lớn học sinh đăng kí tham gia [H1-1.1-02].

Mức 2:

Các hoạt động được nhà trường tổ chức có hiệu quả, chú trọng đến việc tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động nhằm rèn luyện kỹ năng của bản thân [H5-5.3-01]; [H5-5.3-04].

Mức 3:

Nhà trường chưa tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có xây dựng kế hoạch ngoài giờ lên lớp, tạo điều kiện cho học sinh phát triển toàn diện, tổ chức tốt các hoạt động giáo dục khác với nhiều hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với lứa tuổi học sinh.

3. Điểm yếu

Một số hoạt động chưa đảm bảo 100% học sinh tham gia. Hoạt động tham quan trải nghiệm chỉ thu hút khoảng 65% học sinh tham gia do phụ huynh chưa an tâm cho học sinh trải nghiệm cùng bạn bè.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận chuyên môn phối hợp Tổng phụ trách Đội xây dựng kế hoạch tổ chức nhiều hoạt động trải nghiệm, dạy học trải nghiệm cho học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học

Mức 1:

a) *Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;*

b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;

c) Quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.

Mức 2:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.

Mức 3:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với Ủy ban Nhân dân xã Bà Điểm tuyên truyền, vận động cha mẹ học sinh thực hiện tốt Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường [H5-5.4-01]. Qua việc phối hợp trên, nhà trường đã nắm được cụ thể về số liệu, thông tin phổ cập giáo dục trên địa bàn. Từ đó, nhà trường có kế hoạch phổ cập giáo dục phù hợp với quy hoạch, kế hoạch của Phòng Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban Nhân dân xã Bà Điểm trong việc thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, ngăn chặn hiện tượng tái mù chữ ở địa phương [H1-1.6-01]. Tuy nhiên, trường chưa thật sự chủ động thực hiện việc nắm bắt, thống kê tình hình học sinh đầu cấp.

b) Hằng năm, nhà trường kết hợp với chính quyền địa phương huy động, lập danh sách và tổ chức tiếp nhận 100% học sinh đúng độ tuổi theo quy hoạch trên địa bàn, theo kế hoạch của Phòng Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban Nhân dân xã Bà Điểm vào lớp 1, thực hiện tốt “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường” H5-5.4-02].

- Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh, thành lập Ban tuyển sinh theo từng năm học [H5-5.4-02].

c) Trường thực hiện công tác quản lý hồ sơ phổ cập theo đúng quy định [H1-1.6-01].

Mức 2:

Trong những năm qua, tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 của trường luôn đạt 100% [H5-5.4-02].

Mức 3:

Nhà trường luôn thực hiện tốt việc duy trì tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 của trường đạt 100% [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%.

3. Điểm yếu

Hàng năm vẫn còn khoảng 0,1% học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục duy trì và nâng cao kết quả học tập của học sinh các khối lớp.

Trong năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, cán bộ quản lý tiếp tục chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm phát huy hơn nữa việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và tăng cường các giải pháp nhằm giữ vững tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học, nâng cao tỉ lệ học sinh lên lớp thẳng và hiệu suất đào tạo của đơn vị.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;*
- b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;*
- c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.*

Mức 2:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;*
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.*

Mức 3:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Hằng năm, trường có thống kê kết quả học tập và rèn luyện của học sinh sau mỗi học kỳ và cuối năm. Các số liệu thống kê đầy đủ, chính xác theo từng khối lớp và toàn trường theo đúng quy định. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 99,57% [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].
- b) Trong những năm học qua, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học của nhà trường luôn đảm bảo 100% [H1-1.5-01]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].
- c) Trường không có trường hợp học sinh quá 12 tuổi đang theo học tại trường [H1-1.6-01].

Mức 2:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học trong năm qua đạt trên 99,9% [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].
- b) Bên cạnh đó, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học luôn đảm bảo 100% [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

Mức 3:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học trong năm qua luôn đạt 99,9% [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].
- b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học luôn đảm bảo 100% [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

2. Điểm mạnh

Hiệu quả giáo dục của nhà trường luôn được giữ vững và ổn định. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt trên 99,9%; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học luôn đạt trên 100%.

3. Điểm yếu

Còn 0,01% học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học, phải kiểm tra lại trong hè.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc phụ đạo học sinh chậm tiến bộ, quan tâm và bồi dưỡng học sinh năng khiếu để đạt tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học 100%.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Kết luận về tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật

- Kế hoạch giáo dục của nhà trường mang tính khả thi, cụ thể theo từng nội dung và có đánh giá sơ kết, tổng kết theo từng năm.
- Nhà trường có xây dựng kế hoạch và tổ chức tốt các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa, chuyên đề chuyên môn theo từng năm.
- Kết quả xếp loại giáo dục của học sinh trong nhà trường được giữ vững và ổn định qua nhiều năm, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%.
- Nhà trường thực hiện tốt mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp Một đạt 100%.

Điểm yếu cơ bản

- Trường còn 02 giáo viên lớn tuổi nên hạn chế trong việc vận dụng linh hoạt các kỹ thuật, phương pháp dạy học mới.
- Trường còn 0,01% học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học, phải kiểm tra lại trong hè.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 5/5

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/5

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 1:	27/27	Tỷ lệ: 100%
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 1:	00/27	Tỷ lệ: 0%
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 2:	24/27	Tỷ lệ: 88,89%
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 2:	03/27	Tỷ lệ: 11,11%

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 08/19 Tỷ lệ: 42,1%
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 3: 14/19 Tỷ lệ: 57.89%
- Mức đánh giá của Trường Tiểu học Bùi Văn Ngữ: Mức 1;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, Trường Tiểu học Bùi Văn Ngữ đề nghị công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 5 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hồng Phụng

Phần IV: PHỤ LỤC
Bảng danh mục mã minh chứng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường	Giai đoạn 2021-2025	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.1-02]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.1-03]	Kế hoạch năm học	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.1-04]	Văn kiện Đại hội Chi bộ	Nhiệm kì 2020-2022 Nhiệm kì 2022-2025	Chi bộ	Bí thư chi bộ
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Quyết định thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026	Số 77/QĐ-GDĐT ngày 22/10/2021	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.2-02]	Quyết định thành lập Hội đồng Thi đua-Khen thưởng	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.2-03]	Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2023-2024		
	4	[H1-1.2-04]	Hồ sơ, biên bản họp của Hội đồng trường	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hội đồng trường	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Quyết định thành lập Chi bộ Trường Tiểu học Bùi Văn Ngừ	Số 50-QĐ/ĐU ngày 30/12/2004	Đảng ủy xã Bà Điểm	Bí thư chi bộ
	2	[H1-1.3-02]	Quyết định công nhận Ban Chấp hành Công đoàn	Nhiệm kỳ 2019-2023 Nhiệm kỳ 2023-2028	Công đoàn Giáo dục huyện Hóc Môn	Chủ tịch CĐCS
	3	[H1-1.3-03]	Quyết định công nhận Ban Chấp hành Chi đoàn	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Ban chấp hành Đoàn xã Bà Điểm	Bí thư chi đoàn
	4	[H1-1.3-04]	Quyết định thành lập Ban Chỉ huy Liên đội	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hội đồng Đội huyện Hóc Môn	Tổng phụ trách
	5	[H1-1.3-05]	Quyết định thành lập Sao Nhi đồng	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Tổng phụ trách
	6	[H1-1.3-06]	Quyết định thành lập Ban chấp hành Chi hội Khuyến học Trường Bùi Văn Ngừ	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hội Khuyến học xã Bà Điểm	Phó Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2023-2024		
	7	[H1-1.3-07]	Biên bản sinh hoạt Chi bộ	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Chi bộ	Bí thư chi bộ
	8	[H1-1.3-08]	Báo cáo tổng kết công tác Đảng và phương hướng nhiệm vụ hằng năm	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Chi bộ	Bí thư chi bộ
	9	[H1-1.3-09]	Kết quả đánh giá, phân loại chất lượng tổ chức cơ sở Đảng	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Đảng uỷ xã Bà Điểm	Bí thư chi bộ
	10	[H1-1.3-10]	Hình ảnh hoạt động của Công đoàn	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Công đoàn cơ sở trường	Chủ tịch Công đoàn cơ sở
	11	[H1-1.3-11]	Hình ảnh hoạt động của Chi đoàn, Liên đội	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Chi đoàn Liên đội	Bí thư chi đoàn Tổng phụ trách Đội
	12	[H1-1.3-12]	Quyết định công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của Công đoàn cơ sở, Chi đoàn và Liên đội	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Công đoàn cơ sở Chi đoàn Liên đội	Chủ tịch Công đoàn cơ sở

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
						Bí thư chi đoàn Tổng phụ trách Đội
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng 1 Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng 2	Số 47/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 Số 24/QĐ-GDĐT ngày 20/9/2016 Số 4677/QĐ-UBND ngày 07/10/2019	Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn, Phòng Giáo dục và Đào tạo	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.4-02]	Quyết định phân công nhiệm vụ cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.4-03]	Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó chuyên môn và văn phòng	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.4-04]	Quyết định thành lập các tổ chuyên môn và tổ văn phòng	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	5	[H1-1.4-05]	Kế hoạch hoạt động tháng, năm học của tổ chuyên môn và tổ văn phòng	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Tổ trưởng chuyên môn, văn phòng	Phó hiệu trưởng
	6	[H1-1.4-06]	Biên bản họp tổ chuyên môn	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Tổ trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng
	7	[H1-1.4-07]	Biên bản họp tổ văn phòng	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Tổ trưởng tổ văn phòng	Phó hiệu trưởng
	8	[H1-1.4-08]	Sổ sử dụng thiết bị của giáo viên	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Giáo viên	Nhân viên thư viện - thiết bị
	9	[H1-1.4-09]	Hồ sơ Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông	Năm học 2021-2022 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	10	[H1-1.4-10]	Biên bản kiểm tra tài chính hằng năm	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phòng Tài chính huyện Hóc Môn	Nhân viên kế toán
	11	[H1-1.4-11]	Hồ sơ đánh giá xếp loại công chức, viên chức hằng năm	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	12	[H1-1.4-12]	Biên bản kiểm tra hồ sơ học vụ của Phòng Giáo dục-Đào tạo	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn	Nhân viên thư viện, thiết bị
	13	[H1-1.4-13]	Hồ sơ sinh hoạt chuyên đề, chuyên môn	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng chuyên môn
	14	[H1-1.4-14]	Biên bản họp, báo cáo tổng kết hằng năm của Công đoàn, Chi đoàn, Đội	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Chủ tịch công đoàn Bí thư chi đoàn Tổng phụ trách Đội	Chủ tịch công đoàn Bí thư chi đoàn Tổng phụ trách Đội
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Sổ theo dõi chất lượng giáo dục	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Giáo viên	Phó hiệu trưởng
	3	[H1-1.5-02]	Danh sách học sinh các lớp từng năm học	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Nhân viên văn thư	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.5-03]	Sổ chủ nhiệm giáo viên	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Giáo viên	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2023-2024		
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Sổ đăng bộ	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	2	[H1-1.6-02]	Học bạ	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Giáo viên	Phó hiệu trưởng
	3	[H1-1.6-03]	Sổ nghị quyết họp Hội đồng giáo dục nhà trường	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.6-04]	Chương trình PMIS, trang web của nhà trường	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng, nhân viên văn thư	Nhân viên văn thư
	5	[H1-1.6-05]	Sổ thi đua, khen thưởng	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	6	[H1-1.6-06]	Sổ quản lý tài sản; Sổ theo dõi công cụ, dụng cụ, vật rẻ tiền mau hỏng	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	7	[H1-1.6-07]	Số công văn đến	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Nhân viên văn thư	Nhân viên văn thư
	8	[H1-1.6-08]	Số công văn đi	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Nhân viên văn thư	Nhân viên văn thư
	9	[H1-1.6-09]	Biên bản kiểm tra tài chính	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phòng Tài chính huyện Hóc Môn	Nhân viên kế toán
	10	[H1-1.6-10]	Hồ sơ Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng Ban chấp hành Công đoàn	Hiệu trưởng
	11	[H1-1.6-11]	Báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra Nhân dân	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Ban Thanh tra nhân dân	Hiệu trưởng
	12	[H1-1.6-12]	Báo cáo hoạt động của Công đoàn trường	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Ban Chấp hành Công đoàn	Chủ tịch Công đoàn
	13	[H1-1.6-13]	Quyết định về xác lập quyền sở hữu của nhà nước	Số 649/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2007	Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	14	[H1-1.6-14]	Biên bản thanh lý tài sản	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Nhân viên kế toán
	15	[H1-1.6-15]	Trang thông tin điện tử trường	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Hồ sơ hợp đồng, tuyển dụng viên chức	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.7-02]	Hồ sơ cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Nhân viên văn thư	Nhân viên văn thư, kế toán
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Hồ sơ kiểm tra bộ phận	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.8-02]	Hồ sơ kiểm tra chuyên môn	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.8-03]	Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra nội bộ	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	4	[H1-1.8-04]	Bằng khen của Thành phố Hồ Chí Minh thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm	Năm học 2005-2006 Năm học 2006-2007	Ủy ban Nhân dân Thành phố	Phòng Truyền thống
	5	[H1-1.8-05]	Giấy chứng nhận danh hiệu Tập thể lao động Xuất sắc	Năm học 2016-2017 đến Năm học 2021-2022	Ủy ban Nhân dân Thành phố	Phòng Truyền thống
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Phương án chữa cháy và cứu nạn cứu hộ	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy huyện Hóc Môn	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.10-02]	Kế hoạch xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Nhân viên y tế
	3	[H1-1.10-03]	Kế hoạch tổ chức thực hiện việc đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm trong trường học	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Nhân viên y tế
	4	[H1-1.10-04]	Kế hoạch phòng, chống mại dâm, ma túy	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Nhân viên y tế
	5	[H1-1.10-05]	Kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự tại trường tiểu học	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Nhân viên y tế

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2023-2024		
	6	[H1-1.10-06]	Quy chế phối hợp bảo đảm an ninh trật tự tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã Bà Điểm	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Công an xã Bà Điểm, Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Hồ sơ của hiệu trưởng Hồ sơ của phó hiệu trưởng	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng, văn thư
	2	[H2-2.1-02]	Kết quả đánh giá, xếp loại Chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn	Hiệu trưởng
	3	[H2-2.1-03]	Quyết định khen thưởng tập thể, cá nhân	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Ủy ban Nhân dân huyện, Thành phố	Hiệu trưởng
	4	[H2-2.1-04]	Bằng Trung cấp lý luận Chính trị của Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Năm 2004-2006 Năm 2006-2008	Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện Hóc Môn	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng
	5	[H2-2.1-05]	Bằng Cử nhân Quản lý Giáo dục của phó hiệu trưởng 1	Năm 2016	Trường Đại học Sài Gòn	phó hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Văn bằng, chứng chỉ của giáo viên	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Cơ quan quản lý Giáo dục và Đào tạo	Phó hiệu trưởng, Nhân viên văn thư
	2	[H2-2.2-02]	Bảng tổng hợp trình độ cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng, nhân viên văn thư
	3	[H2-2.2-03]	Hồ sơ đánh giá Chuẩn giáo viên	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Quyết định điều động viên chức làm công tác kế toán của Ủy ban Nhân dân huyện	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn	Nhân viên kế toán
	2	[H2-2.3-02]	Văn bằng, chứng chỉ của nhân viên	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Cơ quan quản lý Giáo dục và Đào tạo	Nhân viên văn thư
	3	[H2-2.3-03]	Hồ sơ đánh giá viên chức	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 2.4	1	[H2-2.4-01]	Thống kê phẩm chất, năng lực học sinh	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Bản đồ hiện trạng xây dựng.	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn Thực tế	Thực tế
	2	[H3-3.1-02]	Hình ảnh tổng thể cổng trường, sân trường, sảnh trường	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Thực tế	Thực tế
	3	[H3-3.1-03]	Hình ảnh tổng thể phòng học, phòng hành chính và các khu của nhà trường	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Thực tế	Thực tế
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Hình ảnh thực tế phòng học và các phòng chức năng	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Thực tế	Thực tế
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Hình ảnh các khu vực nhà vệ sinh của nhà trường	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Thực tế	Thực tế

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	2	[H3-3.4-02]	Hệ thống nước sạch, giấy xét nghiệm nước	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Trung tâm y tế Dự phòng Thành phố	Nhân viên y tế
	3	[H3-3.4-03]	Hợp đồng thu gom rác thải, rác y tế	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Công ty Dịch vụ Công ích Thành phố	Nhân viên y tế
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Hợp đồng và hóa đơn thanh toán tiền dịch vụ Internet	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán
	2	[H3-3.5-02]	Danh mục thiết bị dạy học của nhà trường	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Nhân viên thiết bị	Nhân viên thiết bị
	3	[H3-3.5-03]	Biên bản kiểm kê thiết bị	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Nhân viên thiết bị	Nhân viên thiết bị
	4	[H3-3.5-04]	Sổ lưu chứng từ mua đồ dùng dạy học	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Nhân viên thiết bị	Nhân viên thiết bị
	5	[H3-3.5-05]	Kế hoạch hoạt động thiết bị	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Nhân viên thiết bị	Nhân viên thiết bị

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Danh mục các loại sách, báo, tài liệu	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Nhân viên thư viện	Nhân viên thư viện
	2	[H3-3.6-02]	Sổ theo dõi việc cho mượn sách	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Nhân viên thư viện	Nhân viên thư viện
	3	[H3-3.6-03]	Danh mục sách báo, tài liệu được bổ sung cho thư viện hằng năm	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Nhân viên thư viện	Nhân viên thư viện
	4	[H3-3.6-04]	Hoá đơn mua sách báo hoặc phiếu xuất, nhập kho	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Nhân viên thư viện	Nhân viên thư viện
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Hồ sơ Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H4-4.1-02]	Biên bản các cuộc họp cha mẹ học sinh	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Nghị quyết Chi bộ	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Bí thư chi bộ	Bí thư chi bộ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	2	[H4-4.2-02]	Danh sách mạnh thường quân các lớp đóng góp quỹ Khuyến học	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hội khuyến học	Phó Hiệu trưởng
	3	[H4-4.2-03]	Danh sách học sinh nghèo nhận quà, học sinh đạt thành tích được khen thưởng	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng- Tổng phụ trách	Tổng phụ trách Đội
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Kế hoạch hoạt động chuyên môn	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Thời khóa biểu các lớp	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng
	2	[H5-5.2-02]	Hệ thống quản lý giáo dục (cổng thông tin điện tử)	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng
	3	[H5-5.2-03]	Kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chậm tiến bộ của trường và tổ chuyên môn	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Kế hoạch tổ chức giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng và tổ trưởng chuyên môn
	2	[H5-5.3-02]	Kế hoạch giảng dạy kỹ năng sống của giáo viên	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Giáo viên	Giáo viên
	3	[H5-5.3-03]	Kế hoạch công tác chuyên môn	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	4	[H5-5.3-04]	Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp của nhà trường	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng
	5	[H5-5.3-05]	Sổ dự giờ của giáo viên	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Giáo viên	Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Kế hoạch thực hiện công tác phổ cập giáo dục tiểu học của nhà trường (kế hoạch năm học, kế hoạch tháng)	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	2	[H5-5.4-02]	Hồ sơ tuyển sinh lớp 1	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.5	1	[H5-5.5-01]	Bảng thống kê kết quả đánh giá, xếp loại học sinh	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	2	[H5-5.5-02]	Hồ sơ xét duyệt học sinh lên lớp-kiểm tra lại-ở lại lớp Hồ sơ xét duyệt học sinh hoàn thành chương trình lớp học, chương trình tiểu học.	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng, tổ chuyên môn	Phó hiệu trưởng